

Do Võ Phi Hùng Cặp HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỐ THÔNG

Giám đốc : **NGUYỄN - VỸ**

TÂN - NIÊN
Đình - Mũi.

187

3 SẮC XUÂN

I 3 - 1967



GIÁ: 354.00



**ĐAU NHỨC
CÁM CÚM**

mido



CHÚNG TÔI CÓ NHẬN ĐƯỢC THIỆP
XUÂN CỦA TẤT CẢ CÁC BẠN ĐỌC THÂN
MẾN Ở TRONG NƯỚC VÀ HẢI-NGOẠI ĐÃ
GỞI VỀ CHÚNG TÔI TRONG MẤY NGÀY
TẾT, VÀ XIN THÂN ÁI CẢM TẠ QUÝ BẠN.

NGUYỄN-VỸ
và TOÀN BAN BIÊN-TẬP
PHỔ-THÔNG tạp-chí



Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX SỐ 187 * 1-3-1967

1.— Khai bút (thơ)	Nguyễn Vũ	6 — 9
2.— Hai bài văn tế	Phạm-văn-Sơn	10 — 18
3.— 4 năm sau thỏa ước cấm thí nghiệm bom nguyên tử	Lưu Bằng	19 — 21
4.— Cho kẻ thù yêu dấu (thơ)	Phương Tấn	25
5.— Ông Nguyễn đăng Thục với	Thái Bạch	26 — 31
6.— Mộng đẹp đêm lành (truyện)	Lan Đình	32 — 36
7.— Tại sao sinh trai nhiều?	Anh Bằng	37 — 42
8.— Bà Flora Tristan	Tế-Xuyên	43 — 49
9.— Xuân cảm (thơ)	Phong-Sơn	50
10.— Vũ điệu Cao-miên	Lê-Hương	51 — 56

11.— Phở Thông vòng quanh Thế giới	Tín Khanh	57 — 60
12.— Buồn nhớ quê hương (thơ)	Hỷ Khương	61
13.— Pha sản của Đại học Việt-Nam	Nguyễn Vũ	62 — 69
14.— Ngày Xuân nói chuyện sống chết	Thiếu Sơn	70 — 72
15.— Không nói (thơ)	Đô Thành	73
16.— Mặt đẹp của tình yêu (truyện)	Hoàng Thắng	74 — 80
17.— Âm lịch ta	Ái Lan	81 — 87
18.— Sách báo mới	Phở Thông	88
19.— Vực thăm	Thâm-thê-Hà	89 — 94
20.— Đáp bạn bốn phương	Điêu-Huyền	95 — 100



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiên trích đăng những bài trong tạp-chí PHỎ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chí PHỎ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction, même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỎ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỎ - THÔNG toàn quốc :
DỒNG NAI 270 Đề-Thám — Saigon.
- Tổng-phát-hành PHỎ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

k h a i b ú t

*Đệ-tử Tâm-Trí kính lạy
Thầy T.T. Thích-Đôn-Hộ.*

• Xuân Cỏ - Đỏ

I

*Xuân đến tiêu điều lắm, Huế ôi !
Người không nô nức, cảnh không vui.
Cỏ cây ẻ ú, trời tẻ buổi.
Máu lửa đau hiu, đất ngấm ngùi.
Cung điện hoang tàn, con gió lộng,
Chùa chiến lịch mịch, tiếng chuông rơi.
Giang sơn ảm đạm máu tang tóc.
Pháo nổ đi đùng, lũ trẻ chơi.*

II

*Nỗ ai mừng đón Tết Đinh-Mùi,
Non nước Hương-Bình hận chẳng nguôi,
Tiếng súng nổ nhiều hơn tiếng pháo.
Người buồn cười gượng với người vui.
Cơm canh cũng tạm, dân ta-thán,
Bánh mứt quây quần, chuyện đãi buổi.
Đứng bên chờ ai cô áo tím,
Bèo mây tan tác mặc trời xuôi.*

III

*Sáng đồng khắc đạn nổ lừng vang
Bên nó bên ni vẫn bắn tràn.
Chẳng đề thanh bình ba bữa Tết,
Còn cho tang-tóc mấy ngày Xuân ?
Đêm khuya phẳng lặng trời, non, nước,
Chùa miếu tôn nghiêm Phật, Thánh, Thần.
Bút nở vùn hoa trao bốn gió,
Nguyện cầu an-lạc khắp nhân dân.*

*(Đêm Xuân Huế)
N. V.*

● Chùa Linh-Mụ

Bảy tầng Bảo tháp vút mây xanh
Hùng tráng uy nghi trên đỉnh ghềnh.
Uốn lượn giòng Hương phở thẳng cảnh.
Tôn nghiêm điện Phật rạng huyền linh.
Hai trăm năm Sử truyền di-tích
Ba bốn Thiền Sư dẫn chúng sanh.
Hòa thượng trụ trì cao đức độ
Uyên thâm Đạo-pháp lấy lòng danh.

● Cung-Điện Vua

Xuân chẳng buồn pha nét diêm tô
Tang thương lớp lớp cựu-triều đồ.
Tường xiêu, dễ khóc, vang cung điện,
Sen rữa, bèo ôi, đọng mặt hồ.
Rồng đá nằm đây, hồn Nước biển,
Ngai vàng còn đó, bóng Vua mô ?
Linh thiêng há để triều-miền hạn
Rách nát tang hoang mảnh địa đồ ?

Tặng hoa Tuyết-Đào (1)

Đón gió Giao thừa nhẹ lướt sang,
Tuyết Đào nở đỏ trước thư trang
Diệu hòa ý nhạc, hương man mác
Rung cảm tình Xuân, mộng chứa chan.
Hồn bướm vấn vương men diêm sắc
Mơ hoa bền lữ nộ hồng nhan.
Yêu Đào, nâng cánh tơ trinh-tuyết.
Ấp ủ duyên thơ giấc điệp vàng.

★ NGUYỄN - VỸ

(1) Ở Huế còn gọi là cây Bích-Đào, và Song-Đào, 2 cây nở hoa rất đẹp trong sân chùa Linh-Mụ, và trước cửa thư trang, bên hông Điện Quan-Thế-Âm.

HAI BÀI VĂN-TẾ

đã làm xúc-dộng

QUẦN CHÚNG ĐÀU THẾ-KỶ

XX

□ PHẠM-VĂN-SƠN

Đã từ lâu tôi khao khát văn học sử Việt-Nam được ghi chép những thi ca cách mạng. Tôi quan niệm thi ca cách mạng cũng là một thứ gia tài hết sức quý báu cho dân tộc chúng ta mà văn học không thể bỏ sót được. Nếu hôm qua nó chưa được phổ biến rộng rãi trong quần chúng vì sự kiểm duyệt của Đế quốc thực dân không dung tha nó nên nó

chỉ được xuất bản miệng ngầm ngầm trong dân gian thì tại sao bây giờ chúng ta đã thỏa hời được chủ quyền độc lập, lại không cho nó ra chào đời?

Việt Nam là một quốc gia thành hình từ 40 thế kỷ thịnh suy đã lắm, vinh nhục đã nhiều, hết Bắc thuộc lại đến Tây thuộc, mà cuối cùng vẫn luôn luôn chiến thắng ngoại xâm, đó là nhờ cái hùng

HAI BÀI VĂN TẾ

khí của ông cha muôn đời bất diệt.

Cái hùng khí ấy đã bốc ra qua ánh gương thiêng của các anh hùng dân tộc Lý-thường-Kiệt, Trần-quốc-Tuấn, Nguyễn-Huệ, nó còn xuất hiện cả ở những lời thơ cuối cùng của Nguyễn-Biêu, của Nguyễn-Hiệu, của Sào-Nam, của Tây-Hồ v.v..

Chính lũ hậu sinh chúng ta được hấp thụ cái hùng khí ấy mới có những hành động tích cực để gìn giữ đất nước, nếu không trước những âm mưu diệt chủng và đồng hóa của bọn thực dân da vàng, da trắng, Việt-Nam còn gì nữa trên bản đồ thế giới ngày nay?

Do đó, tôi ao ước các loại thi ca cách mạng có một địa vị chính thức trong cuốn Văn học sử tương lai của nước nhà, để nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, tăng cường sĩ khí, nhất là lúc này Việt Nam chúng ta đang bị nhiều xáo trộn trong quốc gia ngoài Quốc tế.

Một bọn người vong bản, bọn lưu manh chánh trị đang nổi gót Trần-thiên - Bình, Bùi - bá-Kỳ nước giặc vào nhà mưu cầu danh lợi, biết bao kẻ khác nằm vạ

mệnh quốc gia mà thờ ơ với nhiệm vụ chỉ lo tiền lương bạc nhiều lên xe xuống ngựa, vinh thế âm tử trong lúc khói lửa tràn ngập quê hương, số phận đất nước bấp bênh như trứng để đầu đàn.

Bọn đàn em non dại bơ vơ lạc lõng không biết đi vào đâu, thiếu sự dìu dắt, sống không lý tưởng, chỉ còn lao đầu theo hiện sinh chủ nghĩa, quá nguy hiểm lắm thay!

Tôi ao ước lúc này nhắc được, thật nhiều bằng thi ca những hy sinh sáng ngời, những cử chỉ hào hùng, những thắng lợi vẻ vang của cha anh chúng ta hôm qua để thêm một lần nữa thức tỉnh hồn nước.

Như vậy ít nhất những thi ca cách mạng cũng giúp được phần nào trọng việc văn bồi thế tục, cảnh giác nhân tâm gây phấn khởi cho lòng yêu nước. Từ hôm nay tôi xin đề ra một mục gọi là mục thi ca cách mạng.

Thi ca cách mạng có nhiều loại: Loại quốc dân xỉ vả những quân bán nước, ca ngợi những bậc anh hùng nặng nghĩa nước, nhẹ tình nhà — Loại cổ vũ đồng bào đấu tranh trừ quân xâm lược — Loại than tiếc thuở vàng son của đất nước — Loại than vãn thời cuộc và trí nguyện không

thành lúc tự nghĩa, lúc ở tù, v.v.... Có thể nói rằng mục này rất phong phú nếu không được ghi chép, lưu truyền thì thật là đáng tiếc vô cùng.

Đề bắt đầu tôi xin chép ra đây hai bài văn tế, một số câu đối và một ít thơ đã được sáng tác trước đề nhất thể chiến. Những bài này đã soạn trong dịp Tuần phủ Nguyễn-duy-Hàn ở Thái-Bình bị bom cách mạng hạ sát và Hoàng trọng Mậu một chiến sĩ của Việt-Nam bị thực dân chém ở Ô Bạch Mai (Hà-Nội) do thực dân Anh dẫn độ. (Hoàng bị bắt ở Hương cảng lúc đó).

Vì sao cách mạng giết Nguyễn-duy-Hàn? Nguyên vào khoảng đầu thế kỷ chúng ta phong trào cách mạng chống thực dân đã có thời rất sôi nổi. Các cuộc vũ trang khởi nghĩa đến năm 1913 đã tắt hẳn sau khi Hoàng-hoa-Thám bị nội phản và bị giết ở chợ Gò (Bắc-Giang). Các vị tiền bối của chúng ta thấy không thể đuổi được Pháp bằng vũ lực liền xoay qua giải pháp vận động cách mạng, cách trị trong nước và ngoài nước.

Trong nước cụ Tây hồ đề xướng

phong trào cải lương, đã cái học cử nghiệp, chống tệ những quan trường, cõ-dộng thực nghiệp; phản kháng các vụ sưu cao thuế nặng. Ngoài nước cụ Sào Nam vận động cuộc Đông du, đem thanh niên ưu tú qua học tại Trấn vũ học hiệu (Nhật) và trường Võ bị Hoàng Phố (Tàu), đồng thời lập Việt-Nam Quang phục hội là linh hồn của cách mạng Việt Nam tại Quảng châu để điều khiển cách mạng bạo động cũng như không bạo động.

Năm 1908 đánh dấu nhiều cuộc thất bại của chương trình Sào Nam và Tây hồ. Nhiều nhà nho như các cụ Tây hồ, Ngô đức Kế, Phạm-đức-Ngôn, Nguyễn Quyền, Đào-nguyên-Phổ, v.v... bị bắt và đày đi Côn đảo sau phong trào Đông-Kinh Nghĩa thực và kháng thuế tại Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ.

Cũng trong khoảng thời gian này các phong trào hải ngoại cũng lâm vào những giờ đen tối do áp lực của Pháp. Nhật phải trục xuất các du học sinh Việt-Nam tại Đông Kinh và chính cụ Sào Nam cũng bị Chính phủ Quảng Đông (Đoạt-quân Long

Quang) bắt cầm tù đề đòi Pháp thực dân cuộc bằng một số tiền lớn.

Tóm lại do các biến cố bi thảm này cán bộ của ta gần như mất tinh thần và dân chúng cũng không còn tin tưởng nhiều như trước vào tương lai của Cách mạng. Đề cùng cố tinh thần cán bộ và quần chúng các cụ sau một cuộc họp tại Quảng châu đã phái Nguyễn-hải-Thần và vài anh em về nước thi hành việc gây tiếng vang để thức tỉnh quần chúng.

— Gây tiếng vang bằng gì?

— Bằng hạ sát một hai tên thực dân hay Việt gian cỡ nặng.

Trước quyết nghị này, cụ Nguyễn hải Thần (tức cụ Tú Đại Từ) hăng hái lên đường như Kinh Kha vượt sông Dịch qua sát Tần với hai câu thơ khảng khái dưới đây:

« Thành tam thập tải sinh bình
Khải tứ thiên niên Tô quốc »

T.H.L. tạm dịch:

« Thỏa chí bình sinh ba chục năm.

Sáng danh Tô quốc bốn ngàn tuổi

Về đến nước nhà, họ Nguyễn không thi hành được lời hứa với Hội nghị. Xét ra Nguyễn định hành thích Toàn quyền A. Say-raut trong dịp y đến trường thi Hương. Nam định, mừng các tân khoa cử nhân và ban lời hiền dụ. Mạng lưới an ninh của Thực dân bủa vây quá kỹ. Nguyễn đành dấn trái bom tại Vọng cung thành Nam. Việc này khiến phe Cộng Sản gần đây ghi chép một cách mỉa mai, chê mấy ông nhà Nho tiêu tư sản đã kém dứt họ cái thủ đoạn giết người.

Tuy vậy, cách mạng Việt Nam bấy giờ vẫn gây được một việc chấn động dư luận thuở đó là một dư đảng (ông Phạm văn Tráng) đã tặng được trái nổ cho Tuần phủ Thái bình Nguyễn duy Hàn, một Việt gian bậc dữ, trong khi y đang ngồi xe tay từ Tòa Sứ về dinh.

Cũng trong khoảng thời gian này hai tên Pháp trong đó có một Đại úy là Chapuis cũng bị tan xác vì lựu đạn, khi đương uống rượu tại khách sạn Hà-nội (Hà-nội Hôtel, đường Tràng tiền).

Xin nhắc rằng Nguyễn duy Hàn được lựa chọn rất đích đáng

vì y đang được phủ Thống sứ giao cho việc điều tra lý lịch các chí sĩ Cách mạng và các thanh niên Đông du. Y vừa được Pháp ân thưởng Bắc đầu bội tinh về công hân mã, đang chuẩn bị ăn mừng thì được mời về bên kia thể giới.

Hàn qua đời, sĩ dân Bắc kỳ hết sức xúc động, hã hê còn hơn là trước vụ hai tên Pháp thực dân chết gục ở Hà nội. Sau đó có đôi câu đối được truyền đi như sau :

«Hành thiện do lai vô ác báo,
Thái bình thủy thức hữu phong ba»

Làm điều thiện xưa nay có bao giờ bị ác quả. Đã thái bình đâu ngờ có sóng gió).

Ở đây tác giả chơi chữ thật là khéo : Hành thiện với Thái bình vừa nói lên được tên quê hương của Hàn và cả nơi Hàn trọng nhậm, lại nhắc nhở cả hành động của y có bất nhân, bất nghĩa mới bị trừng phạt.

Theo Sở Bảo, câu đối này của Đốc học Trần tấn Bình nổi tiếng có những câu văn, câu thơ châm biếm xoáy vào tim vào óc nhiều kẻ đồng thời. (1)

Vài đôi câu đối khác móc mĩa hơn, mỗi câu nêu một cạnh góc

sắc bén riêng biệt, nhẹ nhàng mà nặng nề hơn riu búa, tỉ dụ câu viếng của ông nghệ Chu-mạnh. Trình dưới đây :

« Thế giới như kim khả bi,
hoạn giới như kịm cánh khả bi,
khả bi cánh khả bi, nhất trích na kham hồi thủ vọng ;

Quốc nhân vị công nghi tử,
ngoại nhân vị công bất nghi tử,
nghi tử bất nghi tử, cửu tuyền ưng tự vấn tâm tri.»

Tạm dịch :

« Thế giới như nay đáng thương, hoạn giới như nay càng đáng thương, đáng thương càng đáng thương ngánh lại khôn cầm hàng lệ rỏ,

Người nước bảo ông nên chết, người ngoài bảo ông không nên chết, nên chết không nên chết, hỏi lòng âu hãn suốt vầng hay» (T.H.L. dịch).

Câu thứ ba gần như mắng nhiếc hơn là diễu cợt :

(1) Nhưng theo ông Sở Bảo, nguyên văn của đôi câu đối này về hai chữ cuối là «nguy cơ» chứ không phải là «phong ba» vì chữ «nguy cơ» đối với chữ «ác báo» có phần chỉnh hơn.

«Câu câu hề dĩ vi, luận đạn trương tùy lộ dã hóa ;

Thương thương bất khả vấn, phong ba hà tự địa bình lai»

Tạm dịch :

(Còm còm đề làm gì ? Tan rã cùng viên đạn nổ ;

Xanh xanh nào hỏi được ! Sóng còn lại tự đất bằng lên.)

Cụ Cử Nguyễn-hiến-Tiến, Tri huyện Quế - Dương thuở đó lên tiếng như sau :

« Thời da, mệnh da, công lý đa ! thanh chủng vị khai, khổ tiết ưng tiên tòng đế nạn — Thế tuyệt, thâm tuyệt, bi đảo luyệt, Hoàng hoa sở tạ, chinh hồn bất sả đảo minh ty».

Tạm dịch :

« Thời ư, mệnh ư, công lý ư ! mộ vua Tự Đức chưa khai (quật) sao ông chẳng vì nạn vua mà tử tiết trước ?

«Thương quá, thâm quá, đau đớn quá, ông Thâm (Hoàng hoa Thâm) vừa chết, hồn ông đã vì mẫu quốc đuổi theo ngay.»

Câu đối viếng Tuần phủ Nguyễn duy Hàn kê ra khá nhiều, được

truyền tụng khá sâu rộng thuở ấy nhưng ngót nửa thế kỷ rồi mấy ai nhớ mãi hay nhớ hết ? Chúng tôi chỉ sưu tầm được đến đâu chép ra đến đấy để hiến bạn đọc và nếu văn, thơ về cái chết của Nguyễn duy Hàn có nhiều là bởi cái chết này đã gây được khá nhiều xúc động trong thân sĩ Bắc hà bấy giờ ; Bảo-hộ chép ân, dân Việt chép oán, dư luận quần chúng lúc nào cũng công bằng trước vấn đề công tội...

Và đây một bài thơ có tính cách thời sự ghi được nhiều việc của Hàn và các giới liên hệ, không rõ ai là tác giả !

«Thiếp đồ mừng công chưa kịp mời,

Tin đầu sét đánh đã di dời !
Mề-day Bắc đầu đeo vừa đoạn.
Tập án Đông-du kết chưa rồi.
Chết ngắt, Thượng-Hoàng đau
gãy cánh,

Phát diên Bát ĐẬU sợ co vôi.
Mến Linh chắc hẳn còn cười
ngắt,

Ép chuối trò ma thế thế thôi.
(Còn nữa)

XIN GIẢI THÍCH: Bài thơ trên nhắc các quan Tây vừa ân thưởng Bắc đầu bội tình cho Hàn. Y đang sửa soạn giết trâu, mổ bò để ăn mừng thì bị cách mạng trừng phạt. Lúc này y còn làm dở công tác bồi lòng tìm vết những nhà ái quốc. Khi nghe tin Hàn tan xác, Tổng đốc Hoàng-trọng-Phu ngắt đi bởi Hàn là thủ túc của họ Hoàng, Hoàng sợ luôn cho cả tính mạng mình cũng như tiếc mất một cộng sự viên tích cực. Tên Bát Đậu là nhân viên thân tín của Hàn thấy chủ bị giết cũng hết sức hoảng hốt. Riêng Mền Linh là một nhân sĩ yêu nước bị bọn cầu tầu hành hạ là hã hê bởi Cách mạng đã trả thù cho ông và các chiến sĩ văn thân. Xin nhắc rằng, Hoàng trọng Phu đã từng căng nọc ông ở ngoài sân để tra tấn, hai bên ép bằng hai cây chuối để ông hết cựa quậy. Ông cười chỉ vào mặt Hoàng hỏi: «Chú đồ cá cái trò ma với tớ sao?»...

Nhưng một bài biểu đã kể tỉ mỉ sự nghiệp của Nguyễn-duy- Hàn được thân sĩ hai tỉnh Nam-định, Thái-Bình công nhận là rất đúng:

Phục dĩ:

« Góc trời đỏ rực, tiêu nhân
đắc chí chỉ thời,

Mặt đất sấm vang, đại độ
phục tru chi nhật.

Trời rành có mắt,

Người thầy vui lòng.

Thân sĩ chúng tôi trộm nghĩ
rằng

Cướp của giết người, kẻ cấp
tất bà già chi gặp

Mũi tên hòn đạn thiên oai duy
bạc mệnh chi tìm.

Huống rước thù mua oán đã
lâu, lẽ không tha được

Tức nường chả bằm viên chi
rất thâm, tội chưa cân dẫu

Không biết ông nào, thương
thay cụ lớn.

Cung duy Thái bình Tuấn ph
Nguyễn đại Nhân các hạ,

Làng văn vật, dòng thi thư,

Miệng lắp đồ le, dít xòe đáng
vội.

Đổ cữ nhân từ khoa Bính
tuất, chó ngáp phải ruồi,

Sang Hậu bồ tình Thái bình
chuột sa chính gạo.

Đóng liền một chỗ làm luôn 4
năm.

Cứ bờ xôi ruộng mật chi lợi
quyền

Thì xanh vỏ đỏ lòng chi chánh
sách.

Đồ như vông, đông như tiết,
nhờ máu mạnh đưa đi,

Cơm là gạo, áo là tiền, 'dây
tuì tham chi thắt lại,

Được thế dễ nói khoác, hết
phủ huyện nhi đồ hồ,

Càng quen lén cho đau, nhè
thân hào nhi dờ mặt.

Chỉ khéo liệu chiều che gió, Sứ
muốn ăn cho ăn, muốn chơi cho
chơi,

Xui nên há miệng mắc quai,
Tuần bảo xôi ừ xôi, bảo thịt ừ
thịt

Tay múa trong bị, bụng rất
những gương,

Kỳ dôi trắng nhi thay đen, thả
tát tận nhi bắt lấy,

Trước vợ vét, giăng cánh lưới
dĩ ngang sông,

Sau lại dò lá lông nhi tìm vết,

Gần từ một tỉnh, xa đến các
nơi,

Trong họ chẳng tha, người làng
cũng bắt.

Vì hạt dân chi hùm xám,

Vì quý quốc chi chó săn,

Sao chẳng nghĩ :

Vận nước loạn ly, tình dân oán
khờ ?

Làm cho đến nỗi : chầy khô vắt
rỉ nước ra,

Chút, chẳng thương tình, dẫu
đồ thêm cho lửa cháy.

Huống phục :

Tiền thừa gà mờ, ruộng thẳng
cò bay,

Còn mong đến dẫu ?

Chẳng xin về nghĩ ?

Con thì một đàn ngu ngốc
Cậu Dương-hoa vì chó

săn, gà chọi chi thượng lưu,

Nhà thì nổi tiếng xa hoa, cụ
Huyện hàm nãi da đá men mờ chỉ
thạc vọng.

Sao không biết nghĩ ?

Hễ tham thì thâm,

Nhi tặc dạn chi quăng vào
mình mua lấy chết ?

Tức thành môn chi phục xuống,
người hóa ra ma,

Thương đầy tớ chi lây, vào
nhà thương chi cứu khỏi.

Thân sĩ chúng tôi,

Trộm nghe người nói,

Ngồi nghĩ lẽ chung :

Chẳng chết, chết thẳng nào ?

Cho đáng đời, đáng kiếp !

Đã làm, làm phải được : ấy
mới gan, ấy mới tài !...

Thực thỏa lòng người đề tạ
thiên hạ.

Từ đó chợ tan buổi họp : đóng
cửa trước, rước cửa sau.

Rồi ra cửa đội nón di, vào lỗ
hà ra lỗ hồng.

Má phẫn môi son chi đào Bích,
Chưa kịp đôi hồi,

Nâng khăn sửa túi chi hầu non,
lấy ai cai quản ?

Hàm Tông đốc được truy tặng
nhé !

Thống sứ thương thay...

Vua Diêm vương có mặt-
thăm chưa ?

Quan Tuần xuống đó !

Thân sĩ chúng tôi bất thắng,
nguyt nguyt lờm lờm chỉ chí,
cần trần biều dĩ văn.

Về bài biếu viếng Nguyễn duy
Hàn, theo ông Sở Bảo, tức già
cũng là cụ Cử Nguyễn hiến Tiến.
Tri huyện Quế dương hồi đó. Vì
cụ có tinh thần chống Pháp nên
chẳng bao lâu cụ bị cách chức.
Thừa lúc nhân rồi cụ đi khắp nơi
thăm các bè bạn. Một hôm cụ đến
Sontây viếng cụ Đốc học Nguyễn
trùng Hàn, kẻ cho nghe bài diếu
Tuần phủ Hàn. Cụ-Hạnh khen

hay, sao lại một bản rồi giữ cụ
Tiến lại chơi. Sáng hôm sau cụ
Tiến nhân có việc sang gặp Tuần
phủ Bùi-hưng — Thành và giới
thiệu bài này. Chàng may Thành
là một loại tàu cầu, y nhờ cụ
Hạnh mời cụ Tiến ở lại cho y gặp.
Rồi tối hôm ấy Thành sang cụ
Hạnh mang theo tên Công sứ
De Lamarre là một trùm thực dân
khét tiếng bấy giờ, sang bắt chọt
hai cụ đang ngấm nga bài biếu
đầy hứng thú bên cạnh bàn đèn
thuốc phiện. Thành cướp luôn
bài biếu tang độc nộ cho tên Công
sứ hai cụ liền bị bắt giam luôn.

Hai hôm sau cụ Hạnh bị bãi
chức, cụ Tiếp bị giải về quê quản
thúc tại làng ở Hưng yên. Do
việc bất hạnh này của hai nhà nho
ái quốc nên có bài thơ đùa cợt
như sau :

Đã biết Hàn chưa ? Cứ tưởng
chơi,

Nó quen như sống vẫn theo
người.

Đừng cho nó chết là yên
chuyện,

Nhớ mặt Tuần Thành nó chứ
ai !



4

NĂM SAU THỎA-ƯỚC CẤM THÍ - NGHIỆM NGUYÊN - TỬ :

Nga không bao giờ ngừng cuộc
chạy đua và vẫn tìm cách qua
mặt Mỹ. Theo các nhà hữu-trách
Tây-phương, Nga tăng gấp đôi
số bom nguyên-tử dự trữ nội
trong năm qua — từ tổng số sức
mạnh 6.000 megatons lên 12.000
megatons.

Mỹ cũng không chịu đứng yên.
Trong khi đeo đuổi chiến tranh
ở Việt-Nam bằng bom và đạn

Liệu cuộc chạy đua võ trang nguyên tử của thế-giới có chậm bớt không?

★ LƯU - BẢNG

TRUNG - CÔNG và Pháp lần
lượt công khai thí nghiệm
nguyên tử. Cả hai đã từ
chối không ký thoả ước 1963
và hiện cả hai đang thí
đua chế tạo bom khinh khí.

Anh, một hội-viên khác trong
« hội nguyên tử » đang thí nghiệm
ngầm dưới đất và tiến dần đến
việc phát triển những đầu đạn
nguyên tử cho những tiềm-đỉnh
kiểu như Polaris.

Bốn năm trước, 105 quốc
gia trên thế giới ký một
thỏa ước cấm chỉ cuộc thí
nghiệm nguyên tử trừ phi
thí nghiệm ngầm dưới đất.
Mục đích của thỏa ước này
nhằm làm chậm bớt cuộc
chạy đua võ trang nguyên
tử. Thế nhưng, cuộc chạy
đua đó lại chưa bao giờ
rào riết bằng lúc này.

thường, Mỹ đã thí-nghiệm sản xuất và dự-trữ những vũ khí nguyên tử thêm nhiều thêm mới.

● Pháp còn cách bom H một bước

Tướng De Gaulle đã tung nỗ lực toàn-diện để đem một quả bom khinh khí về cho Pháp càng sớm càng hay.

Cái gọi là bom tăng-cường Pháp cho nổ thử trên Thái-Bình-Dương giúp Pháp chỉ còn cách bom H có một bước. Nếu mọi việc diễn-tiến đúng như trù liệu, các cuộc thí-nghiệm vũ-khí khinh khí trọn vẹn có thể thực-hiện trong vòng năm 1967.

Pháp tiến chậm-chạp nhưng vững chắc. Pháp đã cải thiện quả bom nguyên-tử thử lần đầu năm 1960 — làm cho nó nhỏ và gọn lại có thể chở trên những phóng pháo cơ siêu âm.

Điểm kế trong chương-trình lực-lượng xung kích của Pháp sẽ là những căn-cứ hỏa-tiên có thể phóng những đầu đạn nguyên-tử. Những căn-cứ này được trù-liệu sẽ hoạt động năm 1970. Ngoài ra, đến năm 1972, Pháp cần trù tính cho hoàn thành

những tiềm-thủy-đỉnh loại Polaris.

Pháp sẽ đến gần mục-tiêu bom H hơn nếu Mỹ không từ chối cho Pháp biết những bí-mật nguyên tử hay bán những máy tính điện-tử tinh xảo. Không có những máy tính điện-tử này, xưởng nguyên-tử Pierrelatte của Pháp mãi đến mùa xuân 1967 mới hoàn thành nội và chỉ khi ấy nó mới khởi sự sản xuất những vật-liệu cần thiết cho bom H.

● Trung Cộng không chịu thua Pháp

Trung Cộng thí nghiệm nguyên tử được bốn lần tất cả. Sức mạnh của những vụ nổ này to lớn hơn là sự ước lượng ban đầu của ủy ban Nguyên-tử năng Mỹ.

Các nhà chuyên-môn đồng ý nhìn nhận rằng Trung Cộng đã tiến nhanh trong một chương trình xúc tiến mạnh mẽ hiện nay hứa hẹn đem đến cho Trung Cộng quả bom khinh khí trong vòng một năm tức là không chịu thua Pháp.

Các nhà chuyên môn tây phương tin hiện nay Bắc kinh có từ 40 tới 50 quả bom nguyên tử thô-sơ và trong vòng ba năm

nữa sẽ có thể đe dọa những láng giềng Á-Châu ở gần bằng những đầu đạn nguyên tử do hỏa-tiên chở. Riêng về những quả bom có tính cách đe dọa liên-lục địa tức là có thể chở tới thả xuống Mỹ các nhà chuyên môn cho rằng Trung Cộng phải mất thêm 10 năm nữa.

Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng những bước tiến nhảy vọt về kỹ thuật của Trung-Cộng hướng tới quả bom khinh-khí thật rất đáng kể. Mỹ làm việc bù đầu cũng phải mất bảy năm để tiến từ bom nguyên-tử sang bom khinh-khí. Anh, với sự giúp đỡ của Mỹ, cần có năm năm. Phần Nga mất có bốn.

★ Anh lo đóng tiềm-đỉnh nguyên-tử

Hiện ở Anh đang có chương trình chi phí cả tỷ đô la để tăng cường lực lượng nguyên-tử của quốc gia. Các nỗ lực được dồn vào việc đóng một đội 4 chiếc tiềm thủy đỉnh chạy bằng nguyên tử, mỗi chiếc có thể bắn hỏa tiễn Polaris đến những mục tiêu của địch cách xa 4.800 cây số.

Chiếc đầu tiên được trù liệu hạ thủy đầu năm nay. Mấy chiếc

khác sẽ hoàn thành và khởi sự tuần tiễu vào năm 1969. Mỹ hứa bán cho Anh hỏa tiễn Polaris nhưng không có đầu đạn nguyên tử.

Để cải thiện đầu đạn nguyên tử của riêng mình, Anh được sự cộng-tác chặt chẽ của Mỹ đã thực hiện hai vụ nổ nguyên tử ngầm ở Nevada hồi 1965. Cuộc thí nghiệm bộ-phận nổ Polaris đầu tiên được xem là một thất bại nhưng Anh đã thành-công lần thứ nhì.

Anh cũng đang xúc tiến việc phát triển những vũ-khí nguyên tử cho đạo oanh-tạc phòng-pháo cơ F.111 mà Anh tính sẽ mua của Mỹ.

Là một trong những hội-viên sơ-khởi của hội nguyên tử và với một số tiền phí hơn 4 tỉ đô la, Anh đã trữ được từ 1.000 tới 1.500 bom nguyên tử, quá đủ cho lực lượng già nua các phóng pháo cơ chiến lược mà Anh hy vọng còn dùng được cho đến 1970.

Nga tiến điều

Có nhiều bằng cớ cho thấy Nga cứ tiến đều đều trong cố gắng dành địa vị ưu thắng về nguyên tử.

Các kế hoạch tối ưu-tiên hiện nay ở Nga là những hỏa tiễn lớn và to hơn để chở những « đầu đạn nguyên tử siêu đẳng » đặt căn cứ trên đất liền lẫn trên tiềm thủy-dĩnh. Đồng thời Nga cũng lo trang bị cho hệ-thống chống hỏa tiễn.

Không còn một ai nghi ngờ là từ khi cho nổ một quả bom 58 megatons năm năm trước, hiện nay Nga đang lo chế tạo một quả bom 100 megatons khủng khiếp.

Sự thật, Nga bận lo tiêu-hóa kết quả loạt thí-nghiệm ào ạt trên mặt đất từ 1961 tới 1963 nên chẳng cần nghĩ đến chuyện thí-nghiệm ngầm dưới đất như Mỹ làm gì...

Từ 1963 Nga chỉ loan báo có một vụ thử ngầm và nguyên-do vì chất phóng-xạ thoát lên mặt đất bị thế giới hay biết. Tuy nhiên Mỹ tiết lộ Nga có thử tám lần khác nữa mà không loan báo.

Ủy hội Nguyên tử năng cũng phúc-trình rằng không có dấu hiệu gì cho thấy Nga chịu giảm bớt số lượng vũ khí nguyên tử như Krushchev hứa hẹn lúc còn

năm chánh-quyền. Giới quân sự Nga còn đi ngược lại kế hoạch của Krushchev là khác.

Mỹ tiến Bộ về bom trung hòa tử

Từ giữa 1963 tới giữa 1966, Mỹ đã tiêu 570 triệu đô la cho những vụ thử ngầm và khám phá ra được rằng có thể phát triển rất nhiều loại vũ khí nguyên tử mà không cần phải thí nghiệm trên không.

Qua 96 lần thử ngầm, nhiều gấp mấy những lần thử của thế giới cộng chung lại, Mỹ đã tiến bộ vượt quá mức trù-lệu ba năm trước.

Quốc hội Mỹ đã được thông báo một số những thành quả này :

— Chế tạo thêm nhiều loại bom và hỏa tiễn nguyên tử mới hơn lợi hại hơn.

— Những vũ khí nhẹ hơn nhưng hoạt động kiên hiệu hơn. Đầu đạn nguyên tử do hỏa tiễn Poseidon chở sẽ nặng gấp đôi đầu đạn Polaris mà nó thay thế.

— Tiến bộ quan trọng về cái gọi là bom trung hòa tử — một thứ bom ít tốn kém nổ tương đối nhỏ nhưng có thể gây ra tai hại phóng xạ rất nhiều.

— Những hỏa tiễn chở đầu đạn nguyên tử có thể xâm nhập những tuyến phòng-thủ kiên cố nhứt của địch. Loại hỏa tiễn Minuteman III mới và được cải thiện sẽ chở được nhiều đầu đạn cùng những máy móc điện tử dùng đánh lạc hướng radar của địch.

— Những đầu đạn « ác » hơn để ngăn chặn hỏa tiễn chống hỏa tiễn của Nga phá hỏa tiễn Mỹ đang bay.

Một điều các giới chính thức nên rõ là không phải tất cả các loại thí nghiệm đều có thể được thực hiện dưới đất.

Chính trên địa hạt phát triển và thử các hệ thống chống hỏa tiễn và việc cấm thí nghiệm trên không tỏ ra phiền phức hơn cả. Ngoài ra ảnh hưởng của những vụ nổ nguyên tử trên những căn cứ phóng hỏa tiễn và những trung tâm liên lạc không thể thí nghiệm dưới đất sâu. Việc ước lượng hậu-quả của vũ khí đối với vô tuyến và radar vốn thiết yếu cho các hệ thống phòng thủ đòi hỏi phải có những cuộc thí nghiệm trên kh. ng.

10 Quốc gia

Hiện nay ít nhất 10 quốc gia đã có hay sắp có khả năng chế tạo bom nguyên tử : đó là Tây Đức, Ấn Độ, Nhật, Bỉ, Gia Nã Đại, Tiệp Khắc, Do Thái, Ý, Hòa Lan và Thụy Điển.

Từ đây đến 1970, 10 quốc gia đó có thể chế tạo 1.000 quả bom mỗi năm nếu họ muốn. Hiện nay họ đã có nguyên liệu chế tạo đầy đủ. Từ trước, họ tỏ ra chông thí nghiệm bom nguyên tử nhưng chắc sẽ không có gì ngăn giữ họ nếu tình hình thế giới buộc họ phải thay đổi thái độ.

Ấn độ được xem như có nhiều triển vọng nhứt để gia nhập « hội nguyên tử ». Một số viên chức Ấn vẫn cho rằng Ấn cần phải tránh những vũ khí nguyên tử, nhưng một số khác đang đảo lộn hơn, bảo rằng chủ trương trên cần phải thay đổi nếu Trung cộng không chỉ chế tạo bom nguyên tử mà còn chế tạo cả phương cách để phóng bom đi.

Ấn độ tương đối tiến xa về kiến thức nguyên tử và có thể thí nghiệm nguyên tử trong vòng

một năm nếu có quyết định chính trị cho phép.

Nhật, thêm một quốc gia dưới hòng súng của Trung cộng sắp đủ sức sản xuất plutonium cho 100 quả bom A trong một năm và có thể lao vào một chương trình thí nghiệm nguyên tử trong 12 tháng.

Gia-nã-Đại cũng là một quốc gia bị kềm giữ vì những lý do chính trị tuy được xem là tiến bộ về kỹ thuật nguyên tử hơn Pháp. Gia-nã-Đại không tùy thuộc quốc gia nào về các lò nguyên tử, viện trợ kỹ thuật hay uranium, bởi Gia-nã-Đại là quốc gia xuất cảng những thứ đó.

Tây Đức được nhìn nhận là có thể trở thành một cường

quốc ở Châu Âu nếu Tây Đức quyết định bất chấp thỏa ước quốc tế cấm họ chế tạo vũ khí nguyên tử. Trong giai đoạn này, Tây Đức được xem như chuẩn bị cho tương lai vì đã đặt mua các lò nguyên tử khổng lồ sẽ sản xuất đủ plutonium cho gần 200 bom A mỗi năm.

Lược chung tình hình trên thế giới, các chuyên viên nhận thức được rằng mọi hiệp ước cấm thí nghiệm đầy thiên vị thời không đủ để làm chậm bớt cuộc chạy đua vũ trang nguyên tử. Thế giới cần phải có một cái gì khác nếu ta thật tâm muốn tránh cái họa bom nguyên tử.



★ DANH NGÔN

● Nếu ta biết nghe, trên đường đời chúng ta có biết bao thầy gia-lăng kiến-thức cho ta.

MICHAEL

● Vàng quý nhờ ít, lời nói muốn quý, đừng nhiều.

MANWATER

Cho kẻ thù yêu dấu

● PHƯƠNG-TẤN

*Đàng cảm ơn tất cả
tôi không phải là người
tôi là tên thiếu thán
sống lại trong lồng gương
đi giữa trời khuya khoắt
tôi nhỏ to một mình
đi giữa trời khuya khoắt
tôi hết vào tuổi tôi
tôi đã vào tri não
mọi cửa trong châu thân
tôi vật lụng hết ráo
đó những kẻ thù tôi
(những kẻ thù yêu dấu)
vào xài phí tự nhiên
người đâm tôi ngã xuống
hồn mắc nơi cảnh khó
người đâm tôi ngã xuống*

*ngã xuống tôi đứng lên
gỡ hồn và ngục ngục
này tôi xé thương yêu
chia mỗi người một ít
tôi xé hết thương yêu
còn mỗi mình khổn khổ
thôi tôi buồn hộ tôi
giữa hai giòng mưa đỏ
nhốt cổ họng thương tâm
lìm người không tiếng nói
thôi tôi buồn hộ người
mang theo làm lộ phí
đành tiêu hết một đời
một đời một đời ơi...*



Ông NGUYỄN- ĐẶNG- THỰC

Với con đường
Văn-nghệ Dân-tộc

★ THÁI - BẠCH

CON đường văn nghệ của chúng ta hiện nay là «con đường văn nghệ dân tộc»!

Còn «đường văn nghệ dân tộc» là gì?

Trước đây, trong «Văn nghệ tập san» số 1 ông Nguyễn-đăng-Thực đã viết một bài luận thuyết về vấn đề này, và kể như một bản tuyên ngôn hành động của một học giả đã giữ chức Khoa trưởng Đại học Văn khoa, chủ-

tịch hội Văn hóa Á châu, đã viết rất nhiều sách về triết học Đông phương cũng như đã đi diễn thuyết rất nhiều nơi về vấn đề dân tộc trong thời các chánh phủ trước đây.

Điều đó, phải nhận là một thiện chí, một tấm lòng nhiệt thành của ông đối với vấn đề văn nghệ của đất nước hiện thời. Nhưng tiếc rằng trong phạm vi của bài, ông không nêu ra thế-

ÔNG NGUYỄN-ĐẶNG-THỰC

nào là tính chất văn nghệ dân tộc.

Ông mở đầu :

— Văn nghệ trước hết là một biểu hiệu của tâm hồn. Tâm hồn phong phú, rồi rào thì biểu hiện cũng phong phú rồi rào. Tâm hồn khô cạn tầm thường thì biểu hiện cũng khô khan tầm thường.

Vậy văn chương nghệ thuật trước khi phản chiếu sinh hoạt xã hội, hoàn cảnh thực tế, vào quan hệ sản xuất, quan hệ phân phối, quan hệ giai cấp thống trị và bị trị, tư bản và vô sản, v.v. điều chắc chắn nhất là nó hãy phản chiếu tâm hồn của tác giả.

Ông Nguyễn-đăng-Thực nói đúng, nhưng đó là nằm trong phạm vi văn nghệ chung, bất cứ ở một xã hội nào, quốc gia nào cũng thế. Văn nghệ là biểu hiện tâm hồn, là phản chiếu sinh hoạt xã hội. Nhưng thế nào là biểu hiện tâm hồn người Việt là phản chiếu sinh hoạt xã hội Việt-Nam? Phải như vậy mới dẫn người ta đi tới một quan niệm rõ ràng : thế nào là « văn nghệ dân tộc » ?

Trái lại, ở đây không thế, ông Thực định nghĩa thế nào là văn nghệ, rồi đi luôn một mạch bằng những câu thơ đề dẫn chứng văn nghệ là phản chiếu tâm hồn của tác giả như câu của Nguyễn-Du :

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*

Và câu tục ngữ :

*Sông sâu còn có kẻ dò
Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng.*

Với câu nói của thi hào Ấn-độ Tagore :

*Người là người và máy móc
là máy móc
Không bao giờ người với máy
móc gặp nhau được.*

Ông cho người, một bí quyết, là một điều thắc mắc của các nhà tâm lý học hiện nay, và kết rằng :

*Chúng ta chờ lẫn người —
con người, cả một tâm hồn —
với bộ máy dù là một bộ máy
tinh vi như trái bom nguyên tử.*

Con đường văn nghệ dân tộc, với đầu đề ấy, không biết sao ông Thực lại đưa độc giả đi vào

vấn đề văn nghệ với tâm lý học và văn nghệ với khoa học như thế!

Hẳn rằng về nhiều phương diện, về sự tạo thành cũng như về đường tư tưởng, văn nghệ sĩ tiếp nhận hấp thụ, hiện thân hóa cảm một mớ tài liệu của xã hội, của thời đại mà nó chỉ đóng vai môi giới trung gian để chuyển dịch. Đây là quan điểm của xã hội và nghệ thuật. Nhưng vì tâm lý học thì cái khoảnh khắc sáng tác, cái lúc « yên sĩ phi lý thuần » bị căn cứ ở cá nhân, mang nặng cá tính của tác giả. Nhà nghệ sĩ nào không tìm một nơi nào tĩnh mịch để ấp ủ tác phẩm của mình đang chớm nở. Đây là lúc tìm nguồn hứng của thi nhân. Tùy theo tính của mỗi tác giả, không khí đầu tiên của sự sáng tác có thể là một cuộc nhàn tản nơi vắng vẻ một mình một vũ trụ, tay cầm bút và giấy, có thể là khung cảnh trong một phòng yên lặng, hay trong xưởng họa.

Đoạn này, chẳng những ông Thục đi lạc hướng đầu đề, mà còn nhận xét rất sai lầm về sự sáng tác của tác giả. Các nhà

văn nghệ không riêng gì Việt-Nam mà kể cả các nước, có đầu tất cả mọi người đều đòi không khí sáng tác ở một nơi vắng vẻ, một mình một vũ trụ và đề ấp ủ tác phẩm của mình đang chớm nở. Lịch sử văn học Việt-Nam và thế giới đã chứng minh không biết bao nhiêu những tác phẩm giá trị và bất hủ sáng tác ở trong một hoàn cảnh không khí rất nhộn, rất hoạt động. Những câu ca dao, những tác phẩm của các anh hùng hào kiệt như Phạm Ngũ Lão, Trần-quang-Khải, của các văn thi hào thế giới như Lương-khải-Siêu, Lỗ-Tấn, Maxime Gorki, Tolstoi, Voltaire, Victor Hugo, Đỗ-Phủ, Bạch-cư-Dị, quả nhiên không phải sáng tác ở trong hoàn cảnh một mình một vũ trụ, như kiểu của những người yếm thế đi lên trên núi ở.

● Văn nghệ Dân tộc hay Văn-nghệ Nhân loại?...

Kể đó ông Thục lại mâu thuẫn với ý kiến trên, ông nói:

—Đành rằng văn nghệ sĩ chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh đang sinh hoạt, nhưng sự vật chung

quanh chỉ là những vật kích động vào tâm hồn chứ không thể thay thế cả một tâm hồn đề sáng tác. Văn nghệ không phải vật tự trên trời xuống mà là mọc từ dưới đất lên, nghĩa là có sự phản chiếu hoàn cảnh sinh hoạt của xã hội đến mức có thể là tác phẩm của thời đại của lịch sử.

Sao bảo không khí đầu tiên của sự sáng tác có thể là một cuộc nhàn tản, nơi vắng vẻ một mình một vũ trụ rồi lại phải căn đến sự vật chung quanh. Sự vật chung quanh theo ông Nguyễn-đăng-Thục chỉ có thể kích thích chứ không thay đổi được tâm hồn đề sáng tác, như thế làm sao phản chiếu được hoàn cảnh xã hội và đi đến mức có thể là tác phẩm của thời đại và lịch sử?

Đọc bài « Con đường văn nghệ dân tộc » của ông Thục, chúng tôi cố tìm hiểu xem ông cho biết thế nào là « văn nghệ dân tộc », thế nào là « con đường văn nghệ dân tộc », nhưng chỉ thấy ông bàn đi, bàn lại luẩn quẩn cả mấy đoạn, hết tâm lý lại khoa học, hết khoa

học lại tâm lý, lại đến hoàn cảnh là địa bàn, là đất sống của văn nghệ.

Phải, hoàn cảnh là địa bàn, là đất sống của văn nghệ, nhưng cái thí dụ của nó không phải được chứng xác bằng lý luận vào một bức tranh sơn thủy mà ông đã nêu ra; nào Bà Huyện Thanh Quan sẽ thế này, cô Hồ Xuân Hương sẽ thế kia, rồi nhận xét khác nhau, chỉ ở trình độ siêu hóa theo định luật âm dương, hay lượng biến phẩm hóa. Sao trên đã nói không gì có thể thay thế cả một tâm hồn đề sáng tác, tới đây lại đưa ra lượng biến phẩm hóa như thế? Phải chăng ông Thục đã tự mâu thuẫn lại ý kiến rồi ư?

Hết đoạn này ông mới đi vào giá trị dân tộc của nghệ thuật nhưng lại mượn lời nhận xét của đạo sĩ Ấn độ Aureleindo.

— « Nhìn cái đẹp thiêng liêng trong toàn thế giới, ở người, ở sinh hoạt, ở tự nhiên, yêu cái gì người ta đã nhìn thấy và cảm thấy trong tình yêu ấy và cái đẹp ấy một nguồn lạc thú thanh tao và tinh khiết, đây là con đường vạch ra cho nhân loại để nó vươn mình lên Thượng đế ».

Như thế là « Con đường văn nghệ nhân loại » hay « Con đường văn nghệ dân tộc ». Điều này thiết nghĩ ông Thực nên phân tách và nhận xét lại. Nếu không, độc giả sẽ lầm lẫn văn nghệ nhân loại với văn nghệ dân tộc là một. Theo chúng tôi, đó là văn nghệ nhân loại chứ không phải văn nghệ dân tộc vì nhân loại là nói chung, không phân biệt gì phong hóa, lãnh thổ và chủng tộc, còn dân tộc nói riêng phải có những tính chất riêng biệt. Việt là Việt, Pháp là Pháp, Ấn là Ấn, Anh là Anh không, thế nói Việt-Pháp-An-An là một.

Sau đoạn này, ông Thực lại đưa ra lời phê bình của Comarassawamy, nhà phê bình nghệ thuật trứ danh Ấn độ :

— « Nghệ sĩ Đông phương lấy đề tài cho sáng tác của mình ở vũ trụ thiên nhiên, nghệ sĩ Trung Quốc họa núi sông, nghệ sĩ Ấn độ diễn tả nam nữ mục đồng đều về những biểu tượng của ý niệm đại cương, những hình thái bên ngoài của một nguồn sống đại đồng bên trong ».

Căn cứ vào lời phê bình ấy ông Thực nhận xét :

— « Vay ý thức được « một

mảnh tình riêng » kia chính là ý thức được cái nguồn đại đồng bên trong, nguồn sống ấy không có biên giới xã hội hay tự nhiên chi hết, nó chỉ là nguồn sống bất tuyệt bất phân với cá nhân với đoàn thể, dân tộc với nhân loại, với người vũ trụ thiên nhiên trôi chảy lưu hành không ngừng không nghỉ ».

Như thế là làm sao ? là dân tộc hay nhân loại, là quan niệm theo một nhà phê bình Ấn là của văn nghệ dân tộc Ấn, hay của dân tộc Việt ? Ông Thực có ý muốn phân tách cho rõ nghĩa thế nào là « văn nghệ nhân loại » và « văn nghệ dân tộc », nhưng ông đã bị luẩn quẩn bởi một vài tài liệu lể tể góp nhặt trên, không đủ dùng làm địa bàn chắc chắn để phát triển vấn đề và làm cho rõ ràng những ý kiến hay mà ông muốn đưa ra.

Ông muốn đề cao hai câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan :

*«Dừng chân đứng lại trời
non nước,*

Một mảnh tình riêng ta với ta»
là hai câu thơ mà ông cho là tác giả đã « hồi tỉnh giấc mê trần tục đề giấc ngộ cái chân

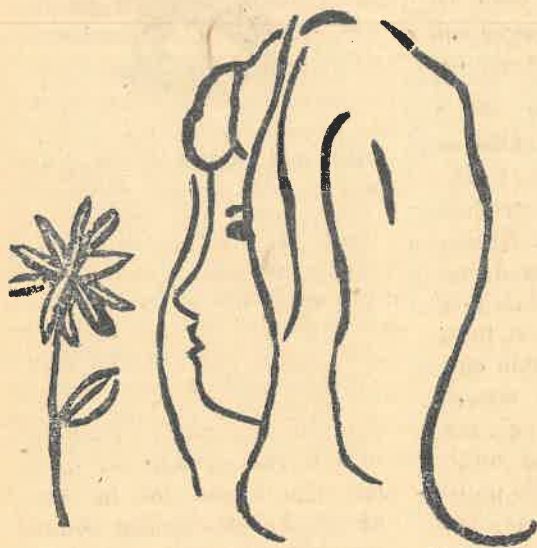
giá trị, cái bản ngã vô biên ở nơi tâm hồn mình cùng với vũ trụ phối hợp cảm sinh mà riêng ta biết một mình ta hay ». Ông cho đó là cú một ý thức đại đồng, là nguồn sống không biên giới xã hội, là nguồn sống bất tuyệt bất phân với cá nhân, đoàn thể với cá nhân với nhân loại. Nhưng ông không thấy rằng hai câu thơ ấy bà Huyện Thanh Quan không nói lên được một cái gì của nhân sinh và vũ trụ. Nếu thế mà cho là đại đồng là nhân loại, thì cái cảnh nhân loại, cái cảnh đại đồng chẳng hóa là cớ tích và không có gì là hoạt động, là biến chuyển và tiến bộ nữa sao.

Ông cho đó là nguồn sống không biên giới, nhưng ông đã mâu thuẫn không thấy rằng chính tác giả hai câu thơ ấy, bà Huyện Thanh Quan đã đóng khung nó ở trong một biên giới với cái đầu đề là bài thơ « Qua đèo Ngang » nhưng không đánh dấu được thời đại nào cũng như không rõ được nơi nào rành mạch, nghĩa là không sát đề vì bất cứ cảnh nào, thời gian nào cũng có thể đem ra áp dụng một cách rất thích hợp. Qua một quả



đào, một ngọn núi, tác giả chỉ thông cảm, chỉ nói được bấy nhiêu, ngoài trời đất bao la, ngoài cái tình riêng, tác giả không còn thấy gì nữa. Như thế sao gọi là đại đồng, là không biên giới, là hồi tỉnh giấc mê trần tục ?... Theo chỗ nhận xét của chúng tôi, hai câu thơ của bà Huyện Thanh Quan chỉ có cái hay về nhạc điệu, về mối tình cảm mà tác giả phả biến ra lời thơ. Còn về nội dung thì chỉ có cái đáng kể ở chỗ đánh dấu cho tâm hồn của một lớp người, thiểu số nào đó đang đi trên đà xuống dốc, bị đẩy lùi lại do sức tiến của bánh xe lịch sử... Vì chán đời, vì cá nhân như thế sao gọi là thoát tục và là đại đồng được ? Còn nếu quả quyết rằng hai câu thơ đó là dân tộc, là nhân loại thì chẳng hóa ra quan niệm nhân loại và dân tộc càng ngày càng suy sụp càng yên lặng mãi sao, đâu còn có gì là nguồn sống bất tuyệt, là trôi chảy lưu hành không ngừng không nghỉ ?...

(Còn tiếp)



MỘNG
ĐẸP
ĐIỀM
LÀNH

Một quãng xa Bình vẫn còn loay hoay với những câu nói đùa của người chị, và anh cứ ngỡ ngơ, thắc mắc điều gì đâu đây. Nghĩ mãi Bình mới sực nhớ giấc chiêm bao đêm qua, nhưng anh cũng đã quên mất một đoạn đầu.

Bấy giờ Bình đang đứng trước cửa. Khu phố im vắng như một huyện lỵ, cũng na-ná khung cảnh ở cái tỉnh nhỏ, quê anh. Hảo xuống taxi, trông nàng có

vẻ vừa đi đón Bình tan sở — để cùng ra xem chiếu bóng xuất chiều cho tiện — mà không gặp Hảo mặc áo dài màu cà phê sữa kẻ ô li-ti, mẫu vải thật xứng hợp với dáng người mảnh mai, gương mặt lém lỉnh Mẹ đang mặt cả mua gì không biết cái gánh bán rong bên kia đường. Hảo chạy sang, nép vào với bà lần lượt chìa má cho bà hôn. Mẹ chongo con dâu xoắn xuýt trông đến đáng yêu...

MỘNG ĐẸP

Rồi thế nào nữa, Bình lại quên mất đoạn giữa. Nhưng anh không tiếc lắm, vì đoạn kết cũng đủ thú vị rồi:

Hảo mặc áo cánh, kiêu áo của con gái ngoài Bắc để mặc ở nhà cho mát, xẻ tà, tay thon may bằng lụa mỡ gà. Nhưng không hiểu sao tấm áo đó lại tạo cho Hảo cốt cách đặc biệt ở có vợ còn son. Hảo giắt Bình đi vào con đường xóm, đến căn nhà, nhà lá, có giàn mướp, vườn rau rền và hàng đậu xuong rỗng. Một bà cụ bước ra, bà cụ nào không biết, phúc hậu, què mùa, tóc bạc phơ. Bà cụ bưng cái rổ xinh nhỏ đựng đầy khế, toàn những quả to mọng trông chỉ muốn ăn thử liền. Hảo đón lấy rổ khế, và ngược nhìn Bình, thẹn đỏ má lên. Bình vụt tỉnh.

Bình lẫn-thần tự hỏi chẳng lẽ mộng đẹp, điềm lành thế, mà sự thật lại có « nhiều cái bất ngờ đau tim » như lời người chị. Anh nhớ lần đi chơi tuần trước Hảo chẳng có vẻ gì « bất ngờ » cả. Lúc anh giắt nàng rẽ xuống cánh rừng, cao hứng đứt một bông hoa mái, bung lên

cao xoay tit, nàng đã nhòem cười, vẫn hồn nhiên, phúc hậu. Lúc gặp cái xác lá phong — khô óng như bằng ngà — anh nhặt đưa nàng, nàng còn bảo sẽ đem về ép trong sách để làm kỷ niệm.

Bình chợt nghĩ đến Lan. Nhưng anh chỉ nhếch cười khinh mạn. Bởi vì có lần Hảo đã bảo « anh chàng Lan còn nhiều chất thô-lò mũi xanh quá » ! Đã đành Bình không tin Hảo đã coi thường Lan đến thế, nhưng anh cho rằng nàng muốn tỏ ra coi thường Lan để chứng minh mình chẳng có tình ý gì với Lan cả. Thành thử anh cũng không tin Lan sẽ gây nên « cái bất ngờ đau tim » nào cả.

Theo thói quen, Bình tắt máy từ xa, để mặc chiếc Vespa còn được đã chạy nốt đến nơi. Anh vẫn thích xuất hiện vào lúc Hảo không ngờ, như vậy sẽ bất gặp nhiều sự tình cờ thú vị, chẳng hạn lần trước nàng đang nấu chè chạy ra, ở cầm còn nguyên một vết nhọ nôi đến duyên.

Nhưng Bình mới thoát được

xe, còn chó ketch xù nhà bên cạnh đã chồm lên hàng dậu sắt, dưới mõm ra, hậm hực. Anh vội vàng khoát tay dịu dàng, cái cử chỉ thật đủ nghĩa, âu yếm, van lơn, dỗ dành. Cũng may con chó đã tỏ ra biết điều, không làm ồn, lặng lẽ quay vào. Đặc ý nhìn theo nó, Bình còn bắt gặp thêm niềm vui nữa, trong khu vườn rợp bóng cây một cô bé đang tha thẩn trên tuồng cỏ, vừa ăn xong miếng dưa hấu, quảng vỏ ra xa, rồi kéo gấu xiêm lau mõm. Bình nháy mắt nửa chế riếu, nửa làm quen. Cô bé xấu hổ, chạy biến vào nhà...

Đặt một chân lên thềm rồi Bình mới biết hai cánh cửa đóng khít, khác hẳn mọi khi. Anh bỡ ngỡ nhấn chuông điện. Bà u già lộ mặt ra, cũng bỡ ngỡ:

— Ấy kia cậu... Nhà đi vắng hết cả. Ông bà tôi đưa các cậu...

— Cô Hảo,..

— Cô Hảo cũng vừa... lên phố xong.

Bình khẽ gật-gù vô nghĩa:

— Tôi ngồi chờ một lát xem sao.

Bà u già đứng tránh sang một bên nhường bước:

— Vâng mời cậu vào soi nước. Chắc cô ấy về ngay đấy mà.

Bình lo lắng ngồi xuống chiếc trường-kỷ, thắc mắc, nghi hoặc vì thái độ úp mở của bà u già. Anh lần thẩn xoa tay trên mặt ghế, gỗ mun lâu ngày đã lên nước, sờ mát lạnh. Trên bàn, cái án thư, trong bát hoa Nhật Bản mới bày thêm đôi thiên nga bằng sứ, nhỏ xíu, trắng muốt. Góc nhà, chỗ cái sập gu, con búp bê nằm buồn hiu. Mím cười, Bình ngược lên khung ảnh lớn. Hảo. Đôi mắt to mà dài, sắc sảo, trầm trở. Chiếc mũi xinh như cái búp hoa ngọc lan...

Hảo và Lân dừng lại ngoài hiên, đang nói nốt câu chuyện gì đó. Bình vẫn ngồi im, không phải anh chủ bụng rình rèo hai người, nhưng muốn nhân dịp để kín đáo nhận xét Lân. Lân cao dong dỏng, gương mặt sáng sủa, nhưng chính sắc diện thông minh đó đã bộc lộ ra hết những đường nét tươi sáng đến độ non dại, cái đầu chăm học dài dài, nhón nhọn

sau ót dô ra nhiều quá. Bình lăm bằm một mình:

— Học trò có khác, trông ngoan không chịu được!

Tuy nói thế Bình vẫn cảm thấy bức tức vu-vơ, chưa bao giờ anh bận tâm vì Lân như hiện thời. Đứng phất dậy, Bình bước nhanh ra chủ ý cắt ngang câu chuyện của hai người. Không ngờ Hảo đã nhướn cười hồn nhiên, giang rộng cả hai tay ra một cách khoe-khoang:

— Lân biết anh Bình rồi nhỉ, anh nuôi của Hảo đó. Anh Bình, Lân chồng sắp cưới của em đây!

Bình chưa kịp phản ứng. Lân đã quay bước:

— Tôi còn bận một chút việc xong cái lễ ăn hỏi, ngày mai, anh tha lỗi nhé.

Ngần ra một lát, rồi Bình ấp úng, nói như chỉ nói ở ngoài môi:

— Thế là thế nào? Em... Anh không chịu được cái kiểu đùa vô ý thức thế đâu!

Không trả lời ngay, Hảo vào nhà, ngồi xuống chiếc đơn sành, khoanh tay, vắt chân chữ ngũ, chêm chệ, điềm tĩnh:

— Em nói thật đấy chứ. Chạm

ngõ hôm kia rồi, mai ăn hỏi, cuối năm nay cưới.

— ? !

— Mẹ em quyết định. Tại mẹ Lân khéo chiều mẹ em quá. Em cũng ngã lòng nữa. Hàng tuần anh chỉ đến đây một lần. Lân đến đây hàng ngày kiên nhẫn, thành khẩn Em ngã lòng.

Bình vịn vào một góc bàn, anh đã chống mạnh xuống nhưng mười ngón tay vẫn cứ rung đây đây:

— Không sao! Không sao! Tưởng ai chứ Lân thì...

Anh bấu môi cười nhạt. Hảo đã toan đứng dậy, toan trở lên, vùng mạnh thì dừng hơn, nhưng không hiểu nghĩ sao nàng lại ngồi yên, một ngón tay dựng thẳng trước mũi:

— Anh đừng vội khinh người!

Bình vừa quắc mắt, mở miệng. Hảo đã cướp lời:

— Anh để em nói hết đã. Vâng em cũng biết anh là người từng trải, từng trải đối với em, Lân bị với anh làm sao được? Nhưng ở Lân có nhiều cái hợp em..

Bình búng môi gọn lỏn.

— Psi, nguy hiểm đến thế là cùng !

Mặt Hảo đỏ vằn lên ;

— Anh bắt lịch sự rồi đấy.

— Đồng ý Lân còn kém lịch-lãm. Nhưng Lân sẽ lịch-lãm, vì Lân đã đổ đát, sắp đi làm, sắp tự lập rồi. Mấy lại em lấy chồng cho em, chứ em đâu có muốn đi tìm thần tượng đâu ! Có lần anh đã bảo em : Con gái chỉ nên lấy chồng vào năm hăm ba tuổi. Đúng. Em cũng vừa đủ khôn lớn rồi, để khỏi sa vào thời kỳ gái già !

— Thế ra dạo trước em còn nhỏ dại nên đã chọn nhầm phải anh ?

— Không ạ Dạo trước em yêu anh. Bây giờ em kính mến anh. Lỗi ai chả biết. Hay là duyên số ?

Bình cần-răng trông rõ quai hàm bạnh ra, hai thái dương nổi gân, đôi mắt đỏ sọng :

— Thôi em cắt cái luận điệu mị dân ấy đi ! Mình quyết định hết !

Hảo gục mặt xuống hai bàn tay, lòi lỗ mũi xa hẳn đi :

— Em quyết định rồi. Em chẳng thể phản bội một lần, một người thôi.

Bình chạy bay ra đường, đạp máy, phóng xe vút đi. Hảo đứng trong cửa sổ nhìn theo, và bật khóc.

Chiếc Vespa cứ vừa lồm lồm thì lại bị vướng xe trước, đành khựng lại, trông Bình càng có vẻ phần uất hơn. Nhưng sự thật Bình đang vô tình chưa từng thấy bao giờ, bởi vì đầu óc anh đã chật cứng, ngút nóng đến độ tê dại, rỗng tuếch. Bình chỉ nhìn thấy lơ mơ những mũ áo lữ lượt như vỏ trứng trôi. Đến lúc cái vệt dài loáng thoáng, lênh đênh đó chợt ngừng chảy, Bình cũng dừng lại. Trong khi chờ đèn xanh qua một thoáng định thần Bình chợt cảm thấy trong lòng tay âm ỉ mồ hôi, nhớp nháp khó chịu. Anh cúi nhìn, mười ngón tay tự dưng trở thành vụng dại, khéo léo, rã rời và hoang phế. Cùng lúc Bình cũng mừng tượng được rằng anh đang mỗi một tưởng chừng sắp ngã bệnh Bình nghĩ đến một nơi tĩnh dưỡng. Đúng hơn, anh thêm được đi đâu rõ ra, đến chỗ nào yên vắng hoàn toàn.



TẠI SAO

SINH

TRAI

NHIỀU

HƠN GÁI ?

NHIỀU BÍ ẨN
LÂU ĐỜI

VỀ CĂN NGUYÊN
SỰ SỐNG — KHI

TINH TRÙNG

ĐÀN-ÔNG LÀM TRƯỞNG

PHỤ-NỮ NÀY NỞ — MỚI

ĐÂY ĐÃ ĐƯỢC

KHOA - HỌC SOI SÁNG

PHẦN NÀO.

TRONG SỐ NHỮNG BÍ ẨN
KHÔNG CÒN LÀ BÍ

ẨN NÀY, CÓ

CÂU HỎI TẠI SAO

SINH CÒN TRAI NHIỀU

HƠN CON GÁI. . .

★ ANH BẮNG

Trên lý thuyết, số trẻ tra và gái sinh ra phải được chia đều. Thế nhưng vào lúc bào thai thành hình, con trai có thể nhiều hơn con gái với tỉ số 160 chẵn 100. Nhiều bé trai chết trong bụng mẹ, mặc dầu vậy, tỉ số vẫn còn 106 chẵn 100.

Tại sao có con số trội đó? Tại sao có họ sinh toàn con trai hết thế hệ này sang thế hệ khác trong khi có họ sinh nhiều con gái? Có thể nào muốn sinh trai hay gái tùy ý không? Còn những phụ nữ hiếm hoi, có thể nào giúp họ sinh con như họ mong muốn không? Các phòng thí nghiệm sắp sửa đưa ra giải đáp cho những câu hỏi trên cùng nhiều câu hỏi khác.

● NHỮNG BƯỚC CHẠP CHỮNG

Từ nhiều thế kỷ trước, các sách thuốc dạy rằng trong cơ thể của đàn bà đã có sẵn những đứa bé thành hình hẳn hoi nhất trong những cái bọc thật nhỏ không thể trông thấy được. Một khi vỏ bọc vỡ ra, trẻ bắt đầu lớn.

Những quan niệm như thế dần dần bị khoa học chứng minh bác bỏ. Nhưng phải đợi đến 1930, người ta mới tìm được quả trứng đầu tiên. Và đến 1944, một nhà nghiên cứu mới

chứng kiến được cảnh một tinh trùng đục lách đường tìm vào một cái trứng để gây mầm sinh sản. Từ khi đó, người ta tìm hiểu được thêm nhiều về nguồn gốc sự sống.

Một trong những nhà nghiên cứu đã chứng kiến được cảnh cấu tạo sự sống là bác sĩ Landrum B. Shettles ở trường Columbia (Mỹ). Từ những bộ phận sinh sản của phụ nữ bị cắt ra, bác sĩ Shettles lấy được đến 2000 trứng và ông nghiên cứu với tinh trùng lấy của hơn 500 đàn ông. Dùng kính hiển vi, ông cho cặp trứng cùng tinh trùng và ông đã trông thấy được những bước chập chững đầu tiên tiến đến một sự sống mới.

Người ta biết khi đứa bé gái mới sinh ra, buồng trứng của nó chứa đến 500.000 trứng. Tại sao lại nhiều trứng như vậy trong khi giữa thời kỳ mang thai chỉ một trứng một tháng — tổng cộng không hơn 500 trứng là này nở hoàn toàn? Không ai biết được.

Một mụn vọt thành hình chung quanh cái trứng nhỏ xíu. Bao noãn này dần dần nhô lên mặt của buồng trứng, tạo một quảng trống to bằng hạt đậu. Màng của bao

SINH TRAI, SINH GÁI

noãn kéo dài ra rồi đứt cuối cùng đứt đi và trứng thoát ra.

Nhiều phụ nữ cảm thấy hơi đau thắt ở bụng dưới khi hiện tượng trên xảy ra. Trong khi đó, mấy giây chẳng thấy gì đâu, trứng được chạch. Và phía đầu trống của ống dẫn trứng hình thụt tiến tới chờ cho trứng lọt vào.

Qua những hình ảnh do bác sĩ Shettles chụp được cái trứng — quá nhỏ đến mắt trần khó thể trông thấy — vẫn chưa sẵn sàng cho cuộc hôn phối. Bao quanh nó có một đạo quân từ 4000 tới 5000 tế bào « khán hộ » nuôi dưỡng nó và không chừng bảo vệ nó nữa. Tinh trùng đục không tài nào lọt qua đạo quân này.

Cuộc hành trình 15 phân của tinh trùng

Vài tiếng đồng hồ sau, tế bào khán hộ hoàn tất nhiệm vụ của chúng. Trong khi trứng tiến sâu hơn vào cái ống 10 phân do tiêm mao đầy nhẹ, các en-zym (men) tấn công đám tế bào còn lại làm chúng tan rã. Bây giờ, trứng « trần như nhộng ». Nó đã trưởng thành, sẵn sàng để gây giống.

Đàn ông bình thường sản sinh một số đông đảo tinh trùng : 400 triệu con. Tại sao lại nhiều như vậy trong khi chỉ một con cũng đủ tạo ra sự sống mới. Có lẽ vì tinh trùng phải đối đầu với bao nhiêu gian lao nguy hiểm; nó là những tế bào nhỏ nhất trong cơ thể, nhỏ hơn cả hồng huyết cầu. Bởi nhỏ như vậy nên cuộc hành trình xa 15 phân của nó qua con kinh sinh dục và tử cung để tới gặp trứng đang chờ có thể ví như chuyến đi ngược dòng nước xa 800 cây số đầy bất trắc của con cá hồi.

Trai hay gái do đàn ông

Hồi đầu thế kỷ 17 khi Anton van Leeuwenhoek hoàn hảo kiến hiển vi, các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng đầu của tinh trùng có đủ cỡ khác nhau: có con đầu nhỏ, tròn, có con đầu lớn dài. Người ta bảo một loại là tinh trùng đục, một loại là tinh trùng cái. Trong gần ba thế kỷ, nhận xét trên không đưa đến một chứng minh nào. Công trình nghiên cứu của bác sĩ Shettles đầu tiên đã có thể làm nổi bật sự thật.

Giới của đứa trẻ chỉ do đàn ông quyết định mà thôi, bởi trứng

chỉ chứa đựng nhiễm sắc thể X tạo ra con gái. Mặt khác tinh trùng chứa đựng nhiễm sắc X lẫn nhiễm sắc thể Y sinh con trai. Người ta đã rõ nhiễm sắc thể X lớn hơn Y. Vậy có thể nào tinh trùng đầu tròn nhỏ sinh ra con trai không? Nơi phần lớn dân ông, loại này nhiều hơn loại đầu dài lớn, theo tỉ số 60 chống 40 và như vậy sẽ cắt nghĩa tại sao con trai được cấu thai nhiều hơn con gái. Thêm nữa, qua kiến hiển vi người ta thấy tinh trùng đầu tròn nhanh nhẹn hơn và chạy trước những con khác. Nó dễ tìm đến trứng trước và sản sinh ra nhiều trai hơn gái.

Để kiểm chứng những điều quan sát được trong phòng thí nghiệm, bác sĩ Shettles quay sang soát các gia phả. Ông nhận thấy có một họ nọ trong năm đời chỉ sinh toàn con trai. Lấy tinh dịch mẫu của một thanh niên trong họ đem nghiên cứu thì thấy 96 phần trăm tinh trùng của anh thuộc loại đầu tròn.

Soát các người cha những gia đình nhiều gái, bác sĩ Shettles nhận thấy họ có nhiều tinh trùng

dầu dài. Nếu hai loại tinh trùng bằng nhau, thì các gia đình sinh một số trai gái đều nhau. Tỷ số tinh trùng sinh trai gái luôn luôn không đổi nơi một cá nhân tỉ số này do di truyền.

Đánh đổ những sai lầm.

Bác sĩ Shettles dùng kính hiển vi quan sát được những cảnh hôn phối trứng tinh trùng thật ly kỳ. Trước đây người ta cho rằng trứng có những quyền năng kỳ diệu, tinh trùng bị nó lôi vào như nam châm hút. Nhưng bác sĩ Shettles nhận thấy không phải như thế. Tinh trùng có thể bơi qua trứng, chỉ cách có vài phần triệu của một phân. Nếu trứng thẳng, chẳng qua là vì may mắn.

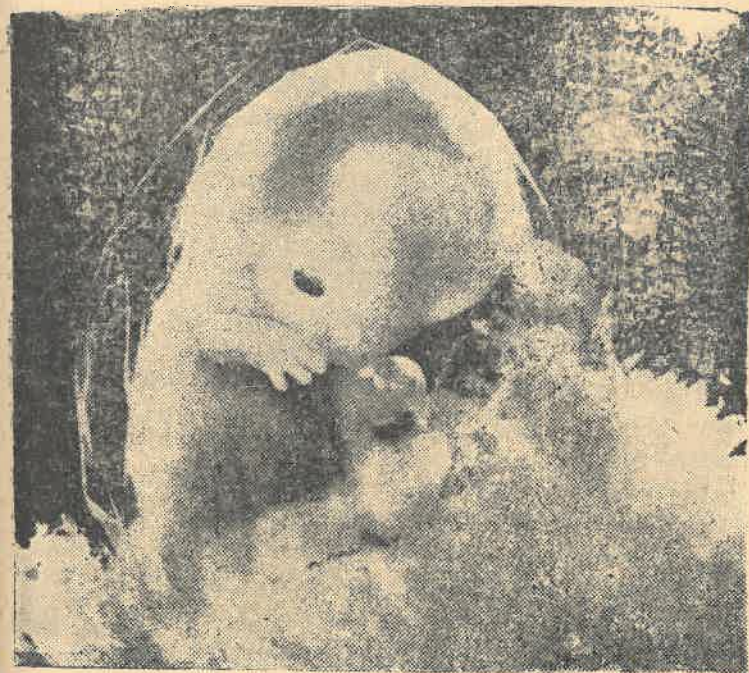
Các nhà sinh vật học tin rằng khi một tinh trùng duy nhất gặp được trứng rồi, tất cả những tinh trùng khác bị đẩy lui. Cũng không phải vậy nốt. Bác sĩ Shettles đã chứng kiến cảnh cả trăm tinh trùng bám lấy một cái trứng đuôi vẩy lia lia, tất cả xoay mòng mòng tìm đường vào.

Bác sĩ Shettles có lần thấy 6

tinh trùng lách đường qua lớp vô mòng, trong suốt như cao su của trứng. Năm con chỉ đi được một phần đường rồi chết. Con thứ sáu biến mất, đầu mình và đuôi vào trong trứng. Trước đây người ta ngỡ cái đuôi rút lại.

Vào đến trung tâm tối quan

trọng của trứng, anh chàng tinh trùng đặc thẳng trộn lộn do nhiễm sắc thể của mình với con số tương tự của trứng. Bây giờ đây tế bào ban sơ của sự sống đã hoàn thành, chứa đựng 46 nhiễm sắc thể như tất cả những tế bào khác của cơ thể (mỗi nhiễm sắc thể chứa ít nhất 1000 gènes). Tuy nhỏ, thấy rất



Đứa bé nằm trong bụng mẹ, đang bắt đầu thành hình

khó, bộ phận sơ khởi này của sự sống hết sức phức tạp, gần như không thể hiểu nổi. Nó chứa đựng đủ yếu tố của di truyền. Màu tóc, vóc dạng của đứa bé sẽ hình thành cùng vô số chi khác được quyết định vào lúc tiết này.

Vai triển vọng

Với ánh sáng ngày càng chiếu rọi thêm nhiều vào diễn biến của sự sống, sự mơ ước từ bao lâu nay của con người gần như sắp thành sự thật : giúp cho các bậc cha mẹ muốn sinh trai hay gái tùy ý.

Người ta cũng đã tìm cách đi đến chỗ tách rời tinh trùng sinh trai với tinh trùng sinh gái.

Bác sĩ Manuel Gordon thuộc đại học Michigan đặt tinh trùng thô vào một dung dịch muối và cho một dòng điện chạy qua đó. Tinh trùng được tụt vào cực âm. tinh trùng cái vào cực dương. Kết quả thí nghiệm này chưa có gì dứt khoát, nhưng bác sĩ Gordon cũng đã tạo ra được tinh trùng

cái của thỏ với tỉ số 71 phần trăm chính xác và được với 64 phần trăm.

Cuộc nghiên cứu trên địa hạt này đưa đến nhiều khả năng hay họ khác. Nơi nhiều phụ nữ ống dẫn trứng bị tắt nghẽn không chữa được hay bị mất đi. Không có phương tiện đưa trứng từ noãn vào tử cung, họ không bao giờ sinh con. Thế mà mỗi tháng họ vẫn sinh sản ra những trứng tốt hẳn hoi. Như vậy tại sao kỳ rụng trứng đã biết được lại không thể lấy trứng từ buồng trứng — giải phẫu dễ dàng — cho nó thụ tinh trong phòng thí nghiệm với tinh dịch của chồng rồi cấy nó trở lại vào tử cung của phụ nữ vào đúng lúc đủ lớn? Kỹ thuật này cùng với việc tách rời tinh trùng đực và cái sẽ có thể giúp vợ chồng không con từ nay có thể muốn có con trai hay con gái tùy ý.

Và một khi nắm vững được kỹ thuật này, công việc kiểm soát mức lãng gia dân số sẽ không còn khó khăn nữa.



BÀ FLORA TRISTAN

người đá cò xúy

« Lao - Động đoàn - kết để

tự giải - phóng »

trước MARL MARX

□ TẾ - XUYỀN

Trong những tháng đầu năm 1843, người ta thấy xuất hiện tại các giới thợ thuyền Bà là một thiếu phụ duyên dáng, với vẻ đẹp ngoại lai, đi đường chừng chặc, tự hào bà yêu cầu các thính giả hãy nghe bà trình bày lý tưởng của bà và tự xưng một người lãnh « thiên mạng » đi truyền bá những tư tưởng mới.

Nghe bà nói với một luận điệu điên dị, người ta phải ngạc

nhien về thái độ có vẻ như kiên cố của bà, thái độ ấy đề cho một nhà truyền giáo thì đúng hơn, Bà tuyên bố mình không phải môn đồ các thuyết gia đương thời như : Saint Simon, Fourier... Song bà có thiện cảm với những văn sĩ lao động: Agricole Perdiguer, Fosset, Moreau Adzolph Boyer, những văn sĩ nổi tiếng vì những bài báo, hoạt động tuyên truyền, nhằm thực hiện một cuộc cải cách cho đời

sống của các tầng lớp lao động.

Thiếu phụ là bà Flora Tristan vốn không phải người xa lạ gì với giới văn nghệ, đã từng được giới này chú ý nhờ những tác phẩm của bà : *Les Pérégrinations d'une Paria* (Những cuộc viễn du của một nữ cùng đinh : tự truyện xuất bản năm 1838) — *Méphis* (tiểu thuyết luận đề : 1838) *Promenades à Londres* (Những cuộc nhàn du ở Luân Đôn : 1840). Cuốn sách này được báo chí lao động nhất là tờ « Ruche Populaire » bình phẩm với thiện cảm. Ấn bản bình dân của cuốn sách có một câu đề tặng của tác giả như sau : « Hỡi anh chị em lao động, tôi xin tặng tất cả anh chị em cuốn sách này. Tôi đã viết đề diu đất anh chị em về lập trường của anh chị em. Vậy cuốn này là cuốn sách của anh chị em.)

Một tập « tuyên ngôn lao động »

Đến ngày 1 tháng 6 năm 1843, Flora Tristan xuất bản một tập tuyên ngôn, một cuốn sách mỏng manh tựa là *Idée* (Lý tưởng) với một lối hành văn sáng sủa khúc triết. Nhà văn Jules Louis Fuceli phải khen ngợi

bà và đề cao bà là « thi tổ phong trào nữ quyền và chủ nghĩa Xã hội lao động »

Tập sách mỏng này gây tiếng dội trong giới thượng lưu lao động. Một bản tóm lược nội dung tập sách được in ra mấy ngàn tờ để tuyên truyền và phổ biến tư tưởng được trình bày trong chín điểm :

1. — Thành lập giai cấp lao động bằng một cuộc liên hiệp chặt chẽ, bất di bất dịch ;

2. — Lựa chọn một người đề bình vực cho lao động trước Quốc gia và do Liên hiệp đề cử, trả lương hậu minh định rằng giai cấp lao động có quyền thực tại mà các giai cấp khác phải nhìn nhận.

3. — Nhân danh dân quyền, đòi chấm dứt các cuộc xâm phạm giai cấp lao động và các đặc quyền của giai cấp khác.

4. — Vận động để được nhìn nhận quyền tư hữu của cánh tay là chánh đáng (tại Pháp, 25 triệu lao động chỉ có hai cánh tay là quyền tư hữu).

5. — Quyền làm việc phải được nhìn nhận là một quyền chánh đáng đối với tất cả nam nữ lao động

6. — Cứu xét sự tổ chức lao động trong hoàn cảnh xã hội hiện tại.

7. — Trong mỗi quận, kiến thiết một trụ sở của liên hiệp lao động, tại đó dạy con cái của lao động về văn hóa và thực nghiệp — thâu nhận các lao động bị thương, klem công việc cho họ, — và tất cả những lao động già yếu, tàn tật

8. — Nhìn nhận sự cần gấp cho phụ nữ lao động được hưởng một nền giáo dục văn hóa và nghề nghiệp.

9. — Nhìn nhận nguyên tắc bình đẳng về quyền lợi giữa nam nữ lao động, nguyên tắc ấy phải coi là phương tiện duy nhất tạo lập liên hiệp lao động.

Tập sách mỏng *Idée* không những được coi là bản « tuyên ngôn lao động » ở nước Pháp mà còn ảnh hưởng ra đến ngoại quốc nữa. Nó đã được coi như là một chương trình giải phóng lao động hoàn toàn từ năm 1850. Đây chỉ xin kể một minh chứng của một nhà xã hội học Đức : Lorenz Von Stein, tác giả cuốn sách « Lịch sử chủ nghĩa xã hội

và cộng sản ở Pháp ». Karl Marx rất ham thích cuốn này. Von Stein phê bình Flora Tristan như sau :

« Ở nơi bà, đã phát huy mạnh mẽ như, (mạnh mẽ hơn các nhà cải cách khác,) sự nhận thức rằng giai cấp lao động là một toàn diện (un tout) và giai cấp này phải được xã hội biết đến như một đoàn viên, phải hoạt động liên đới nhau, với một ý chí và những lực lượng chung, theo một mục đích chung, nếu giai cấp ấy muốn thoát khỏi thân phận của mình. »

Tóm lại, ý nghĩa bản tuyên ngôn của Flora Tristan là sự tự giải phóng của giới vô sản.

Cuộc đời của Flora Tristan

Cũng cần biết qua cuộc đời của nữ chiến sĩ lao động ấy. Jules Louis Pulch đã viết một cuốn sách về bà Flora Tristan (*La vie et l'oeuvre de Flora Tristan*. — 1925 : Nhà xuất bản Rivière).

Đời của Flora Tristan không thơ mộng gì, nhưng cũng là một chuỗi tình cảnh bi ai.

Sanh tại Ba lê ngày 7 tháng

từ năm 1803, bà là con một thiếu tá xứ Pérou, tên là Mariano de Tristan mẹ bà là người Pháp tên Thérèse Lainé. Mồ côi cha từ hồi 6 tuổi, Flora phải sống với mẹ trong cảnh nghèo nàn, túng thiếu, cho đến 17 tuổi thì lấy André Chazal chủ nhà in, khi nàng đến làm việc tại nhà in này.

Không được chồng thông cảm Flora sống đau đớn khổ sở với chồng ít lâu sanh được hai con. Khi ấy luật ly dị đã bị hủy bỏ, Pháp từ năm 1816, nên bà không thể phá hôn thú được, phải bỏ gia đình chồng năm 1825 đem theo hai con và một đứa thứ ba trong bụng.

Sau khi sanh đẻ, bà nhờ mẹ nuôi 3 con, đi làm quản gia cho một bà quý phái người Anh. Nhờ đó bà có dịp thăm viếng Luân Đôn nhiều lần.

Bị chồng theo đuổi hành hạ vi ghen tuông: Flora quyết định bỏ Âu châu, sang Pérou. Bà biết có người chủ ở đây là ông Pio de Tristan, giàu có lớn và nắm giữ hết sản nghiệp của thân phụ bà, để lại. Bà đi Pérou để đòi gia tài ấy.

Trong cuộc hành trình khó nhọc và mất nhiều ngày giờ, bà cảm thấy đầu óc phát sinh tư tưởng cách mạng và nảy ra ý muốn tham gia các hoạt động giải phóng lao động. Khi đến Pérou, ông chủ lại muốn giết gia tài của cháu. Dùng đủ mảnh lời pháp lý; ông truất quyền thừa kế của Flora, chỉ cho bà hưởng một số tiền cấp dưỡng hàng tháng.

Ngày trở về Ba lê của Flora là ngày mở đường cho bà bước vào hoạt động văn nghệ. Cuốn sách đầu tiên của Flora là cuốn *Nécessité de faire bon accueil aux étrangers* (1835) trong đó bà tỏ ra là một chiến sĩ cho phong trào nữ quyền quốc tế.

Năm 1838, người chồng ly thân của bà bắn bà một phát súng. Nhưng bà chỉ bị thương, phải nằm bệnh viện ít lâu. Người chồng bị kết án 20 năm khổ sai.

Ở nhà thương ra, từ nay Flora được tự do hoạt động cho phụ nữ và lao động. Bà xuất bản tờ báo *Union Ouvrière* và tận tụy với lý tưởng. Bà đi các nơi tuyên truyền cho công cuộc giải phóng lao động, ghét những

trung tâm kỹ nghệ diễn thuyết cổ động.

Sau mắc bệnh thương hàn, Flora phải vào bệnh viện ở Bordeaux rồi từ trần ngày 14.11.1844.

Con gái lớn của Flora Tristan tên là Aline lấy thủy thủ Clovis Gauguin, sanh ra Paul Gauguin, nhà họa sĩ danh tiếng sau này.

Marx và Flora Tristan

Biết qua cuộc đời của nữ chiến sĩ lao động Flora Tristan, rồi, chúng ta thử xem tư tưởng của bà có ảnh hưởng gì đến Karl Marx không

Khi Marx phải bỏ xứ sở ra nước ngoài, ông đến ở Ba lê hồi cuối tháng 10 năm 1843, ông chưa theo chủ nghĩa cộng sản. Marx chỉ chống với lý thuyết của Hegel vì ông mơ mộng một quốc gia «toàn bích» và «chân thành» đối lập thứ Quốc gia «thực lại» trong quan niệm của Hegel.

Đến năm 1844 Marx đăng trong tập san *Annales franco allemandes* hai bài: *Question juive* và *Philosophie du droit*. Những ý kiến của Marx trong hai bài báo

này đã tỏ ra ông bắt đầu thay đổi: ông mới khám phá ra phải vô sản.

Sự khám phá này kế tiếp đến một lý tưởng không rời tâm trí ông là: vô sản chỉ có thể tự mình giải phóng lấy mình.

Những hoạt động hằng say của Flora Tristan vài tháng trước khi Karl Marx đến Ba lê và trong thời gian ông này ở thủ đô Pháp, có ảnh hưởng một phần nào đến ý tưởng của Marx chăng.

Trong cuốn *Sainte Famille*, Marx có nhắc sơ tác phẩm của Flora Tristan hai lần. Song đó chưa đủ là một minh chứng ông có chịu ảnh hưởng của nhà nữ chiến sĩ, «nữ cùng đinh» của xã hội. Một minh chứng khác cho thấy Marx có thể đã giao thiệp với Flora Tristan.

Khi ở Ba lê, Marx có ba cộng sự viên thân mật nhất: Arnold Ruge, Moses Hesse và Jerman Maurer. Ba người này thường có dự những buổi nhón mà bà Flora Tristan tổ chức tại nhà bà.

Khi Marx mới đến Ba lê hồi

cuối năm 1843. Ruge có viết cho ông một lá thư, trong đoạn «Tái bút» có câu sau này: «Hoặc là chúng ta không trông gì vào được những người Pháp, hoặc là chúng ta phải báo động với các phụ nữ như bà George Sand, bà Tristan. Các bà ấy còn cấp tiến hơn cả Louis Blanc và Lamartine»

Không biết Karl Marx có nghe lời khuyên của Ruge mà tiếp xúc với Flora Tristan và George Sand không? Chẳng có tài liệu nào chiếu sáng vào điểm ấy. Người ta chỉ biết được rằng Marx và Engels từng có bình vực báo *Union Ouvrière* chống lại các lý thuyết gia đã công kích thuyết của Flora là một «giáo điều có anh chất phụ nữ» quá.

Vả lại, Marx lặng thinh về Flora cũng có lý vì Flora chủ trương duy tâm, còn Marx theo duy vật biện chứng pháp

Flora Tristan mỗi khi đi tuyên truyền, cổ xúy cho tư tưởng của mình, đều tự cho là mình lãnh một «thiên mạng» mà hoạt động. Trong những trang nhật ký, bà cũng thường ghi điều ấy. Những môn đệ của

Saint Simon gọi bà là «Nữ Thiên Thần» — (Femme - Messie)

Bà tha thiết với khía cạnh thần linh của vấn đề giải phóng vô sản. Bà tuyên bố rõ ràng là ý chí vô sản tự giải phóng là một sức mạnh của Siêu việt thể do bà lãnh sứ mạng chuyển đạt tới giai cấp lao động.

Về phía Karl Marx, ông cũng nhận thấy cái mãnh lực thần bí mà Flora tạo cho lý tưởng giải phóng vô sản, song ông vẫn cương quyết đem duy vật biện chứng pháp ra làm luận chứng tuyên truyền.

Tuy rằng tin tưởng ở tâm linh, Flora Tristan cũng viết những tác phẩm tuyên truyền với một ý thức rất thực tế. Cuốn «Những cuộc nhàn du ở Luân Đôn» của bà, xuất bản 7 năm trước cuốn «Tình trạng giai cấp lao động ở Anh» của O. Engels đã tiên liệu những cuộc giai cấp tranh đấu tại các thành phố kỹ nghệ với một nét chân xác thần tình.

Trong bản «Tuyên ngôn cộng sản» Marx đã ao ước đoàn kết những vô sản thành «một giai cấp và một chính đảng riêng biệt».

Thì trước Marx, bà Flora cũng cổ xúy cho sự thành lập «một giai cấp lao động» gồm có cả «nghiệp đoàn và chính đảng».

Người ta có thể nói rằng trước Karl Marx, đã có Flora Tristan phát sinh ra những tư tưởng nền tảng cho chủ nghĩa xã hội. Dù Marx không chịu ảnh hưởng của những tư tưởng ấy nhưng biết đâu những tư tưởng ấy lại chẳng trợ hứng cho

học của ông sau này.

Mãi 100 năm sau, — ngày 14 tháng 11 năm 1944 — mới có một tấm bia ghi công nhà chiến sĩ dựng trên mộ của Flora Tristan với câu sau này: «Đề tưởng nhớ bà Flora Tristan, người đã phát sinh ra sự Liên hiệp Lao động các lao động xin ghi ơn bà».

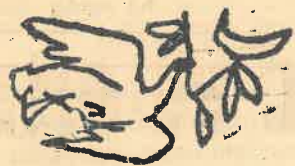


* TĂNG LƯƠNG VÀO CHỖ NÀO ?

Một nhân viên nọ đòi tăng lương. Ông chủ niềm nở mời ngồi rồi bảo lấy giấy tính theo lời ông nói :

— Một năm có 365 ngày. Anh làm một ngày 8 giờ tức 113 ngày, nghĩa là một năm anh làm việc chỉ có 122 ngày. Anh nghỉ 52 chúa nhật và 52 buổi chiều thứ bảy là 26 ngày nữa. Số ngày làm trừ số ngày nghỉ, một năm anh chỉ còn làm có 44 ngày thôi nhè ! Thêm vào đó, mỗi ngày trong giờ làm việc, anh được nghỉ giải lao một giờ, vì chỉ hết 13 ngày nữa. Còn lại 31 ngày.

Mỗi năm anh còn được nghỉ có lương 14 ngày, cộng thêm với 12 ngày nghỉ lễ chính thức trong năm. Vốn vốn anh còn làm việc có 5 ngày một năm thôi, nhưng anh có làm đâu ? Ít nhất anh cũng xin nghỉ 5 ngày vì đau ốm bất thường, việc nhà việc cửa v.v. Thế là anh có làm gì cho tới suốt năm đâu mà đòi tăng lương ?



xuân cảm

gửi bạn đường 4 phương

★ Phong-Sơn

Hơn ba mươi lần Xuân qua
Tuổi chiến-chinh già nửa
những bài thơ giao mùa
mang rất nhiều binh lửa
Bạn bè còn mấy đứa
Thân tình sắt son không?
người lên xe xuống ngựa
Kẻ ưu tư bên lòng?...
Công-danh như bọt nước
Tình nghĩa tựa dòng sông
Thuyền đời ai xuôi ngược
Bến cũ còn neo không?

Từ khi làm thi-sĩ
Có mùa Xuân giấy hồng
Viết bài thơ khai bút
Mà ý tình mênh mông...

Tháng năm dài Bình-Ngo
Buồn suốt cả mùa đông
Thiên-tai và chiến-họa
Ung thư cả ruộng đồng
Người dân gầy chịu đựng
Thương nhau chuyện măn
nông

triệu triệu bàn chân nhỏ
Đường dài chưa đi xong
triệu triệu tâm-hồn khô
chưa vui mùa Xuân hồng!..
Ngàn hoa chưa hé nụ
Xuân-ý còn mông lung..
Còn cam go tranh đấu
Phải có ngày thành-công...

Sợ gì ngày nắng hạ
Buồn gì lúc mưa đông
Gió mùa thu thổi dấy
Tạo mùa Xuân hoa hồng
Buồng tim hoa nở đẹp
Giếng mắt ánh dương nồng
Vành môi ngời xuân-sắc
Nhịp bước đến hòa đồng
Quê thăm vầng bông lúa
Vang lời ca mục đồng
Phổ sáng vầng áo lụa
Tiếng cười vang thính-không
tình đồng-bào bất-tận
Xum vầy thôi nhớ mong

Niềm vui chung dân-tộc
Ợi rộng biển dài sông!...



NHỮNG VŨ-ĐIỆU CAO - MIÊN

★ LÊ - HƯƠNG

(Tiếp theo Phở-Thông 186)

3) GIÀN NHẠC VÀ HÁT DẶM

Giàn nhạc Piphat có những
nhạc khí sau đây :

— Một ống sáo bằng gỗ là
nhạc khí chánh giọng rất trong
và cao gọi là Sralay.

— Một cái trống nhỏ để trên
cái giá hai chân do người Mã-
lai đem từ Ai-cập hay Á-rập đến
gọi là Samphô.

— Hai cái trống lớn giọng
rất trầm động gọi là Skor Thom

— Một cây đàn làm bằng
nhiều thanh tre bề ngang lối

5 phân, bề dài từ 15 đến 25
phân để dài trên một cái hộp
gỗ, đánh bằng hai cái vỗ nhỏ
bằng cây gọi là Roncat Êk tiếng
giống như đàn mộc bản giọng
trầm vực.

— Một cây đàn giống như
cây trên nhưng làm bằng thanh
gỗ gọi là Roncat Thung, giọng
thấp hơn.

— Một cây đàn giống như
thể làm bằng thanh sắt gọi là
Roneat Dêk, giọng lạnh lạnh và
tươi.

— Một giàn đờn ngũ âm
làm bằng 16 cái chiêng nhỏ

bằng đồng để thành hình bán nguyệt trên một cái giàn bằng mây gọi là Kong Thom, người ta đánh bằng hai cái vỗ nhỏ bằng gỗ giông dùi, trong như bạc, hơi rung với âm mâu trầm

— Một giàn ngũ âm nhỏ gọi là Kong Toch, giọng cực trầm

— Và một đôi thanh tre để gõ nhịp.

Trong thành vua ở Nam-Vang, một vị Giám đốc và một ông Phụ tá điều chỉnh sự trình diễn của giàn nhạc Piphat, nhưng trong các gánh hát lưu động chỉ có một người mà thôi. Phần sự của ông này nhẹ về phần Nhạc trưởng, nặng về mặt Cố vấn những buổi tập duyệt và coi sóc các buổi trình diễn.

oOo

Phần sự của ban hát dặm là xác định và giảng giải những vũ khúc Hoàng gia Cao-miên có 24 ca sĩ, 2 Trưởng ban và 2 người đọc xuống. Những người này hát dặm theo điệu múa, thỉnh thoảng đọc vỗ tuồng để giải thích ý nghĩa các vai trò

đang trình diễn bằng điệu vũ. Ở đoạn nào có bài hát thì Ban hát đồng ca, hết bài họ ngừng lại để một người nói cũng như một tiếng vang lặp lại. Các ca sĩ này vừa ca vừa đánh nhịp theo điệu vũ, mỗi tiếng gõ đánh dấu sự khởi đầu một lối múa hoặc lối múa trở lại.

Lời hát dặm và lời giảng giải vỗ tuồng được viết theo lối thơ, cổ nhân chú trọng đến điểm giải thích hơn là chỉ vào từng động tác của vũ nữ. Do vậy, ta nghe lời hát nhiều hơn giống như nghe các bà lão thức khuya kể chuyện ngày xưa cũ.

oOo

Thành phần giàn nhạc có thể giảm bớt thường thường đối với các ban hát bình dân. Số ca sĩ trong ban hát dặm và số vũ nữ cũng vậy, số người nhiều ít tùy theo khả năng của ông bầu. Có nhiều những đoàn hát của tư nhân không thể nào sánh nổi với đoàn Vũ của nhà vua về nhân sĩ, về trang sức, y phục, mặt nạ, nhạc khí, và khó thể

trình diễn những vũ tuồng nổi tiếng.

Một ban Vũ đầy đủ như của Hoàng gia Cao Miên—có 8 bà thầy tuồng 106 Vũ nữ và 2 anh hề, hai anh này là hai phái nam độc như của sân khấu Vũ khúc Cao Miên. Ngoài ra còn có 2 Giáo sư và 2 nữ Giáo sư dạy hát, 2 nữ ca sĩ Trưởng đoàn, 2 phụ nữ đọc tuồng 24 ca sĩ và gõ nhịp, 12 nhân viên mặc y phục cho Vũ nữ, 4 nhân viên giữ đồ trang sức và quần áo, 9 nhạc sĩ 1 Trưởng ban nhạc và 1 Phó Trưởng ban, 4 nhân viên giữ y phục và nhạc khí. Những phần sự ngoài việc trình diễn được giao cho các Vũ nữ lớn tuổi coi sóc.

Đôi khi nhân dịp lễ lạc riêng biệt có tánh cách thân tình, Hoàng gia tổ chức những Vũ khúc tại sân chầu, nhưng các buổi trình diễn thường thì được tổ chức tại phòng vũ trong ngày lễ cô truyền như lễ Đưa nước (Tang Toc), hoặc trong những ngày tiếp rước các vị quốc khách. Phòng Vũ gọi là Kong Ram xây cất theo lối xưa cửa vào ở hướng Đông, cửa phòng Vũ nữ ở hướng Tây, một

bức màn ngăn sân khấu và buồng hát trên màn có vẽ hình cảnh vật hợp với vũ khúc, bên trái và bên mặt của bức màn có hai cửa ra vào, trong buồng có một bộ ván, ngoài sân khấu có một bộ trên trái thềm và để 1 cái gối dựa ở về hướng Đông của bộ ván này, là giàn nhạc Piphat. Ban hát dặm ngồi ở hướng Nam sân khấu, ghế khán giả ở về hướng Bắc, nhưng thường người đi xem ngồi lẫn vào các khoảng trống chỉ chừa đủ chỗ cho vũ-nữ múa hát mà thôi.

4) MẶT NẠ Y PHỤC VÀ ĐỒ TRANG SỨC

Mỗi vai trò hoặc mỗi toán Vũ nữ có y phục và đồ trang sức riêng. Những vai nam phần nhiều có một cái mặt nạ tượng trưng vai tuồng của người ở thế gian hoặc các vị Thần, chẳng, quỉ mà ta thường thấy khác nhau ở các ngôi đền, chùa. Những mặt nạ này được giữ nguyên hình dáng và màu sắc y như thời xưa.

VAI NAM

1) Y phục các vị Thần gọi là Dévas, nhà vua, Hoàng tử gọi

là Néay Rong Ek gồm có một cái quần « Chông Khor » dài khỏi gối, một cái áo « Ao Pak » bằng lụa trên đắp miếng lụa màu thêu « Srang Kâr », hai hình cánh chim nhỏ trên vai « Jntanou », một cái chân « sam pot » gọi là Sarabap viền chỉ bạc hay vàng, một sợi giây nịt bằng « Kravat », một mảnh vải « Robaing Muk » để trước bụng, hai mảnh khác « Chéay Krèng » để dài xuống hai bên vế, một sợi dây nịt bằng bạc, đầu bằng vàng nạm kim cương nịt ngoài sợi giây nịt bằng tơ, một con dao găm nhỏ bằng vàng gọi là sang-var.

Đồ trang sức gồm có : 2 đôi vòng tay trơn bằng vàng « Krâvel Day », 2 đôi vòng tay chạm « Kâng Kân và Kângrâk », đôi thứ tư là đôi vòng 40 hột vàng « Patrum », 2 đôi kiềng cẳng, một đôi trơn « Kâng chong », một đôi chạm « Krâvel chong », 5 sợi giây chuyền vàng đeo treo trước ngực ra sau lưng « Khsê, Khluon », một miếng vàng hình lá đa « Sleik Por » treo trước ngực, một đôi bông tai « Tum-hou » nạm kim cương và một cái mũ Mkot đặc biệt dành cho các vai này.

Mũ Mkot của vai nữ rất nặng và đắt giá hơn các mũ trang sức khác. Chỉ có những vai chánh mới đội mũ bằng vàng, kỳ dư thì mũ bằng da hay giấy bồi tô màu, cần nhiều miếng kiềng nhỏ hình tam giác lấp lánh. Về đồ trang sức cũng vậy, vai chánh đeo vàng thật, vai phụ đeo bạc mạ vàng.

Các vai Hoàng thân gọi là Néay Rong Rong mặc y phục giống như vai Thần Deva, nhà vua và Thái tử Néay Rong Ek cả đến đồ trang sức và mũ cũng vậy. Ta có thể sắp hạng trong hai nhóm vai trở như sau :

Thần Brahma mang mặt nạ bên mặt màu vàng.

Thần Indra màu xanh lá cây.

Thần Rama màu xanh lá cây.

Thần Laksmana màu vàng.

Thần Bharata màu đỏ.

II) Các vai Đại phu, Tri-huyện gọi là Phi-Liêng Ek mặc y phục giống như nhà Vua, nhưng chiếc chân Sompot gọi là Sarabap thì bằng lụa thường gọi là Lô bôt, cây dao găm

không để trần ở ngoài mà bỏ trong bao bằng vải láng (Satên). Điểm khác biệt dễ nhận ngay là cái mũ Pancharét có gắn tóc giả phủ ốt diện viên thay cho mũ Mkot. Vị quan Tri huyện hay Đại phu có 4 Vũ nữ theo hầu.

Các vai võ tướng gọi là Sena Ek, gồm có 12 vị trong một đoàn quân mặc y phục giống các quan Đại phu và đội mũ Pancharét không có tóc giả Mũ này làm giấy bồi sơn vàng cần nhiều mảnh kiềng nhỏ. Sợi dây nịt bằng chỉ bạc được thay bằng một sợi bằng vải láng (satin) có đầu dây bằng da sơn vàng. Đồ trang sức cũng giảm bớt còn một đôi kiềng cẳng Kâng Choang thay vì hai vòng tay gọi là Patrum gắn 20 viên bạc nạm vàng thay vì 40 viên ba sợi dây chuyền đeo treo trước ngực thay vì năm sợi.

III) Y phục vai Vua, chầu hay không lồ Yak Ek cũng giống như y phục của các vị thần, Nhà Vua và Hoàng tử, nhưng Vua chẳng Ravana vị quốc vương 10 mặt, mang cái mặt nạ mười mặt gọi là Muk Đốp, phía trên có hình nhon như cái mũ Mkot.

Mặt nạ này toàn bằng vàng. Hai vạt áo cheay krèng thả dài trên vế hay bên vạt Robaing Muk không phải hình chữ nhật mà hình nhon hơi cong phía ngoài vánh lên trên, phía sau có thêm một vạt thứ tư gọi là Robaing Krôy. Mỗi vị vua chẳng mang 3 cây dao găm gọi là Kroeus.

Vai Hoàng tử không lồ Yak Raong, hầu cận vua Chẳng Ravana mặc y phục và mang đồ trang sức y như trên nhưng bằng bạc mạ vàng và không có dao găm. Điểm khác biệt giữa vai Hoàng tử và vai vua chẳng là cái mặt nạ chỉ có một mặt, thêm một cái đuôi gà trống gọi là Muk Kan tuy Mon.



Một kiểu đánh trống vũ

Vai, bốn vị tướng của đội quân Không lồ cũng mặc y phục và đeo đồ trang sức y như các vũ tướng khác, mặt nạ của họ là một cái đầu to kék, hình dáng dị kỳ và có tóc ngắn uốn quăn. Hai vị tướng lãnh gọi là Véay Khén Yak kh ng mang vòng tay, iêng cẳng, mình mặc áo ngắn gọi là Ao Pak chân Sam pot gọi là Lô bót toàn bằng lụa đỏ, chiếc quần ngắn được thay bằng quần dài bằng lụa gọi là

Attalat Sarpong, giầy chu ên được thay bằng một mảnh khăn choàng bằng tơ tằm thêu ren gọi là pton, đầu đội cái khăn bằng tơ đỏ thêu bông vàng. Hai chục tên lính gọi là Puok Khén Yak mặc y phục giống như các Tướng lãnh chỉ khác cổ đệm không có mảnh khăn choàng và mặc chân Sampot bằng vải gọi là Khien.

(CÒN TIẾP)

● THẾ NÀY THÌ CÙNG ĐẾN ĐIÊN.

Một Hội-đồng Giám-thị y-khoa vào một nhà thương điên. Hỏi một bệnh nhân :

— Tại sao anh vào đây ?

— Vợ tôi hiện nay có đứa con riêng đã trưởng thành. Không ngờ cha tôi lại cưới nó về làm vợ. Vì vậy, vợ tôi tự nhiên trở thành bà gia của cha chồng mình và tôi là con lại là cha vợ của cha.

Mới đây đứa con của vợ tôi tức dì ghẻ tôi sinh được đứa con trai. Tất nhiên nó là em ruột tôi, nhưng khổ thay, vợ tôi lại là bà ngoại nó và do đó, nó cũng là cháu ngoại tôi.

Sau đó chẳng bao lâu, vợ tôi sinh đứa con trai Thế là con ghẻ tôi tức kẻ mẫu tôi, đồng thời là chị của đứa con tôi lại là bà nội nó, nói một cách khác, con tôi là em tôi và cũng là cậu tôi vì là em của mẹ tôi (kẻ-mẫu).

Hiện giờ đây, tôi có cảm giác vợ tôi là cháu của kẻ-mẫu tôi tức là con gái làm bà già mẹ đẻ ; đứa con tôi là cháu tôi và tôi là ông nội tôi và là anh của vợ tôi.

Chỉ có nghĩ vợ nghĩ vẫn về liên-hệ gia đình mà tôi bẽ não rồi điên lên và phải vào đây.

Phổ thông vòng quanh Thế giới

□ TÍN KHANH

● Hội những người tày chạy xe hơi

“ Hội các người đi bộ cuối cùng tại Nư-Ước » vừa giải tán Hội thành lập từ năm 1923 gồm những hội-viên cương quyết không chịu đi xe trong lúc phong trào sử-dụng xe hơi tràn ngập đất Mỹ, Thế nhưng Hội mỗi năm mỗi yếu, các Hội-viên lần lượt phân Hội và tậu xe hơi. Cho đến năm gần đây thì còn vẹn còn lại có hai vị kiên trì nhất : ông Nicholls Hội-trưởng

và ông Mac Guire Phó Hội-Trưởng. Thế vẫn chưa xong. Cách đây mấy tuần vào cuối năm 1966, ông Mac Guire lại phân nốt, tậu một chiếc xe hơi mới, và không hiểu may rủi dụn dủi làm sao, xe ông ta lại cán phải và gây tử-thương cho ông Hội-Trưởng Nicholls.

● Ô hó Quần vợt Úc

Úc xưa nay vốn đứng đầu về môn quần-vợt, gần đây đã tụt dài. Các cây vợt có tiếng ở Mei-

bourne, Sydney và Adelaide tỏ ra thất vọng tràn ngập.

Nguyên do là lâu nay cừu ở Úc ăn cỏ thiên-nhiên, ngày nay phải ăn loại cỏ, tuy rất tốt nhưng bón bằng phân hóa-học nên gần của chúng không còn cứng cáp như xưa. Nên nhớ vọt ở Úc làm bằng gân cừu.

● Chiếc hôn của M. Monroe

Ngày Marilyn Monroe quay cuốn phim cuối cùng trong đời nàng với Tony Curtis : « Some like it hot », đến màn chót là cái hôn nẩy lửa. Lúc chiếu ra ra màn ảnh thì cái hôn chỉ vài giây đồng hồ là nhiều nhưng lúc thực-hiện phải quay đến 3 giờ và phải lặp đi lặp lại cái hôn đến 70 lần.

Lúc hôn xong, Tony Curtis bước xuống dài tay chân bải hoải bước đi chệnh choạng như người say rượu. Mấy nhà báo phỏng vấn... Tony đáp : « Có nhiều chuyện cũng khoái lắm nhưng cũng khổ lắm là phải nhai kẹo xơ-vin-gôm suốt 3 giờ liền...

Còn Marilyn thì khoẻ-khoắn, tươi vui như thường, thỏ thẻ với các ký-giả : « Anh Tony

ngon-lành lắm... nhưng chỉ tiếc một cái là hơi nhất gan... »

● Mấy anh chồng hào ngọt hây coi chừng

Các bác-sĩ Anh vừa tìm ra cách chữa các anh chồng bỏ vợ theo mèo. Phương-pháp chữa có hiệu nghiệm nhưng phải cái đau lắm, vì phải dùng điện cho cho giật anh chàng 35 kia.

Người ta cho chiếu liên tiếp trước mặt người chồng tấm ảnh của cô nhân-tình. Mỗi lần tấm ảnh cô nẩy hiện ra thì anh chàng tự-nhiên bị một luồng điện mạnh từ 60 đến 70 vau giật nẩy người lên !

Chưa như thế trong 7 ngày, mỗi ngày 30 phút. Sau đó, anh chồng nhớ lại chuyện điện giật, ngán luôn cô nhân tình và trở về trung thành với vợ.

● Những phát-minh mới cho Gián - điệp Chiếc nhẫn ghi âm.

Nhẫn ghi âm vừa hoàn-thành. Đây là một chiếc nhẫn thường nhưng người đeo lúc cần thu lời kẻ đối-thoại, thì chỉ cần nghiêng bàn tay về phía ngoài

kia, là cuốn băng ly ty bên trong tự-dộng ghi âm.

● Chiếc cà-vạt phát-thanh

Ở Pháp thường có chuyện « phát-thanh lậu »- Hiện họ đã dùng chiếc cà-vạt bằng chỉ dệt, trong đó có chiếc Micro thu âm.

Loại cà-vạt này « đắt nhất thế giới » vì giá đến 15.000 đồng VN một chiếc, đã cướp địa vị của các loại micro bằng nút tay áo sơ-mi hay các loại nút khác. Mấy phát thanh kèm theo chiếc cà-vạt này chỉ bằng một ví da bỏ túi thôi.

● Chụp hình được ma

Một Đại tá nọ hồi hưu, về ở trong một lâu đài xưa tại Dorsetshire ở Sanford Orcas. Mới về ở được mấy hôm, ông đã chạm trán với 5 con ma ..

Một con, đàn ông, thỉnh-thoảng đánh đàn, một con khác hút lá liên-miên, lúc nào cũng có một đám khói thuốc bao quanh mình. Một con thứ ba suốt ngày chỉ một việc thay mấy tấm tranh treo trên vách.

Nhưng cái làm Đại tá này sợ nhất là hai con ma cái. Một

« Cá » còn trẻ-trung xinh-đẹp, mình mặc một bộ áo thời xa xưa, suốt ngày cứ lên xuống cái thang gác bằng, cầm-thạch ở giữa phòng khách, lúc nào cũng mặc chiếc áo dài đỏ tiết.

Mặc dù thế, viên Đại-tá cho các nhà báo biết chúng vẫn không quấy rầy tới lúc nào cả, và xem bộ con ma nào cũng hiền hậu dễ thương.

Viên Đại tá có mời vài bác-sĩ chuyên về khoa này, và họ đã chụp được một số ảnh về các con ma này. Họ đã cương-quyết bảo đây là chuyện thật, không phải là xảo-thuật điện-ảnh-

● 125 tuổi còn đòi ly-dị

MỸ — Ông Sylvester Magee, một nô-lệ da đen xưa và cũng là một chiến-sĩ trong trận Nam-bắc phân-tranh ở Hoa-Kỳ vừa làm lễ ăn mừng 125 tuổi vào tháng 5 vừa qua.

Mới đây ông đưa đơn kiện vợ là Marie tại Tòa-án Hattlesbourg đòi ly-dị vì bà này đã tự ý ly thân từ năm 1953. Với Maria, ông đã được một gái nay đã 16 tuổi. Cô này ra đời ngày

ông vừa chẵn 109 tuổi.

● Để có mấy tay

PHÁP — Ông Pierre Lefebvre có lẽ là người biết mặt các chính-khách quốc-tế hơn ai hết. Trong 7 năm qua ông lo việc tiếp-tân ở điện Elysée (Ba-Lê).

Quyền-hành khá đặc biệt. Dưới tay ông là tất cả đám giúp việc trong điện, từ các ông « Mết đô ten » đến các chú bưng dọn ăn, dọn phòng ngủ, đầu bếp, phụ bếp, lính hầu cận Tổng-Thống, De Gaulle và cả bọn giữ các chén đĩa bằng sành, vàng bạc vậy tóm lại, một đại yểm tại điện Elysée có hay không, thành hay bại là do ở một tay ông ta cả.

Trong suốt bảy năm qua, ông ta đã giáp mặt 30 Quốc-trưởng hơn 10 vị trong các Hoàng-Tộc thế giới, hơn mấy ngàn danh nhân thế giới.

● DANH NGÔN

✱ Ông lão không ca ngợi thời dĩ vãng cách chúng, mà ca ngợi thời dĩ vãng mình đã sống.

RAYMOND DE SAINT LAURENT

✱ Để lòng tốt người ta tha khuyết điểm của mình hơn là dùng mọi mưu chước che giấu cách giả dối.

MICHAEL

Chiếc đồng hồ ông đeo trên tay là của Cút-Xáp tống. Chiếc đôt thuốc lá của Tổng-Thống Eisenhower, và cây bút máy là của Thủ-tướng Erhard (Tay-Đức)

● Một giấc ngủ ngàn vàng

Ý — Giovanni Tosio, một nhà thời-miên đại tài vừa rồi có biểu diễn tài nghệ trong một quán rượu nọ ở Udine (Ý) trước một số đông khán giả. Anh ta làm cho một thiếu nữ nọ ngủ say rồi bỏ đó chuồn mất! Mọi người hoảng sợ, phải đưa cô tới bệnh viện nhưng làm gì cũng không sao thức tỉnh cô được. Cuối cùng phải tìm mọi cách « truy nã » đem anh về chữa cho nạn-nhân. Thiếu nữ tỉnh lại liền đâm đơn kiện và đòi Tosio bồi thường 320 quan về tội đã để cô ngủ quá lâu.

● ★

buồn nhớ quê hương

★ TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

Tôi ở nơi đây miền Nam nắng đẹp
Nhớ thương về xứ Huế thân yêu
Con sông Hương bóng dáng mỹ miều
Lững lờ sắc nước với nhiều mộng mơ.
Bến Văn Lâu ai đợi, ai chờ
Hoàng Thành vắng lặng, ơ thờ, quanh hiu.
Huế ơi!

Nhớ hoài «giòng nước buồn thiu»
Vội hàng cau đẹp nắng chiều thướt tha
Nhớ từ cửa chợ Đông Ba
Nhớ lên Thương Bạc, nhớ qua Trường Tiền
Nhớ về xóm nhỏ Ngự Viên
Nhớ Thôn Vỹ Dạ đẹp hiền ngày xưa...

Huế tôi,
Mùa hè sớm nắng chiều mưa
Mùa xuân gió nhẹ cho vừa nhớ thương
Mùa thu lá rụng ngập đường
Mùa đông nước lụt dâng tràn sông Hương
Huế ơi! càng nhớ càng thương
Biết bao kỷ niệm còn vương vấn lòng
Ngậm ngùi đôi mắt xa trông
Mịt mù chỉ thấy mênh mông là sầu
Mây chiều trôi dạt về đâu
Hoàng hôn tím ngắt đượm màu thê lương
Trông vời non nước cổ hương
Xa xuôi gửi chút tình thương đậm đà
Hương lòng kính viếng mộ cha
Đôi lời thăm hỏi mái nhà năm xưa
Biết bao thương nhớ cho vừa!

Phá - sản CỦA Đại - học Việt-Nam VÀ trách-nhiệm của BỘ GIÁO - DỤC

★ NGUYỄN-VŨ

PHẢI nói, và phải nói thẳng thắn, bởi vì người ta đang đi càng ngày càng sâu vào cuộc *phá sản nguy hại của Đại-học Việt-Nam*, và vô tình hay cố ý, cản đường tiến thủ của thế hệ thanh niên hiện đại.

Phải nói, bởi vì những người có trách nhiệm về tương lai trí thức của Dân tộc và trình-độ văn hóa của các lớp trẻ ngày nay và ngày mai không có can đảm nhìn thẳng vào hiện trạng quốc gia và quốc tế. Hình như người ta đang quyết định áp dụng một biện-pháp lưng-chùng, tạm bợ mà hậu quả sẽ không lường được.

Hãy tạm gác ra một bên những nguyên nhân gần hay xa, hữu lý hay vô lý, xác đáng hay giả tạo, của những

PHÁ SẢN CỦA ĐẠI HỌC VIỆT-NAM

người hoặc chống đối hoặc bênh vực sự đòi hỏi cấp bách chuyển sang Việt-ngữ toàn thể chương trình Đại-học Việt Nam. chúng ta chỉ nên đem hết thiện chí xây dựng hoàn toàn trên những dữ kiện thực tế của vấn đề. Vì nó vô cùng quan trọng cho tương lai của thanh niên và của Đất nước, nên thiết tưởng cần phải bình tĩnh, sáng suốt và vô tư đứng trên lập trường dân tộc mà xét những gì có lợi hay có hại cho dân tộc trước hết và trên hết.

I.— SINH-VIÊN V.N. Ở HẢI-NGOẠI, VÀ HIỆN-TƯỢNG CHẬM TIẾN CỦA DÂN TA HIỆN NAY.

Người Việt-Nam nào cũng mặc nhiên nhận thấy và nói rằng Dân ta chậm tiến, nước ta chưa theo kịp trình độ phát triển ghê gớm và tiến bộ kinh khủng của các quốc-gia cường thịnh trên thế giới. Một người nào giàu tư ái dân-tộc đến đâu chăng nữa cũng không thể không chấp nhận thực tế đáng buồn và đáng hận ấy.

Người ngoại quốc đã không ngần ngại nói như vậy kể cả những bạn chân thành của Việt-Nam, và họ đang tiếp tục viện trợ cho dân tộc Việt-Nam bằng các cách, kỹ thuật nguyên liệu, máy móc, và giáo dục, trên hầu hết các lĩnh vực của khoa học và kỹ thuật tối tân.

Chỉ nói riêng về Đông-nam-Á, Nhật-Bôn, Đại-Hàn, Đài-Loan, Phi-luật-Tân, Ấn-độ, Úc-đại-Lợi, đã mở mang hơn Việt-Nam rất nhiều, và chúng ta cần phải học hỏi nơi họ nhiều lắm về công kỹ nghệ.

Chúng có rõ ràng là hiện nay một số đông sinh viên nam nữ ưu tú của Việt-Nam đang chuyên cần học tập tại

các xứ ấy, về các ngành chuyên môn khoa học, canh nông, thương mại, kỹ nghệ, nguyên-tử-lực, y khoa, triết-học, nghệ-thuật, hàng-hải, v.v.,.. Chưa kể một số rất đông thanh niên nam nữ ta đủ các chức nghiệp, nghề nghiệp, đang theo rồi các lớp đại-học, cao học, chuyên môn ở các nước Tây phương về các môn chính trị, ngoại giao, kinh tế, tài chánh, văn nghệ, y khoa, luật khoa, văn khoa, khoa học, hàng không, hàng hải, và tất cả các ngành hoạt động của văn minh tối tân hiện tại.

Nhờ các báo chí ngoại quốc chúng ta hết sức vui mừng được theo rồi các cố gắng phi thường, các hy sinh vô cùng cảm động, và các thành công rất vẻ vang, của các bạn trẻ thông minh ưu tú ấy, làm rạng rỡ uy-tín và thanh danh của Dân tộc Việt-Nam.

Thành thật và công bằng mà nói, một phần lớn tương lai tiến bộ của dân tộc và vận mệnh của Tổ-quốc chúng ta, là ở nơi các nhân tài của thế hệ đang lên đó.

Chỉ những kẻ ích kỷ vì quyền lợi cá nhân nhỏ mọn những kẻ ganh ghét hẹp hòi và những kẻ ngoan cố, phản động, mới phủ nhận công lao xứng đáng của những lớp trẻ tài hoa, học cao biết rộng, được đào tạo do các Cao đẳng và Đại học đứng ngoại quốc.

Chính những lớp người mới này, sau khi lần lượt về nước sẽ thay thế cho các cố vấn và chuyên viên ngoại-bang, và sẽ tự họ điều khiển dần dần tất cả các cơ cấu khoa học và kỹ thuật tối tân, các guồng máy phát triển sinh hoạt quốc gia theo kịp trào lưu tiến bộ quốc tế.

Số sinh viên du học ngoại quốc càng đông và càng

nhieu khả năng chừng nào là càng vui mừng cho Dân tộc Việt-Nam chừng nấy, bởi chúng ta đặt nhiều tin tưởng vào những phần tử ưu tú nhất của họ, những sinh viên yêu nước, có tinh thần phục vụ xây dựng tiến bộ quốc gia. Số cán bộ điều khiển đời sống quốc gia sẽ tăng lên mãi đến một mức độ đầy đủ, dồi dào và sẽ là một đảm bảo chắc chắn cho chủ quyền kỹ thuật và kinh tế của xứ sở. Nước ta sẽ thoát khỏi nhu cầu cố vấn và chuyên viên ngoại quốc, nhu cầu cấp bách và thiết thực mà nước Việt-Nam còn cần phải ép bụng chịu đựng trong tình trạng chậm tiến hôm nay.

Như thế, chậm tiến chỉ là một hiện tượng nhất thời mà thôi. Cái gương của nước Nhật-Bổn ở thời đại Minh-Trị, và ngay sau khi bom Nguyên tử nổ ở Hiroshima, hoảng hốt và vội vàng gọi hàng ngàn thanh niên sinh viên du học ngoại quốc, và những lớp cán bộ chuyên viên này đã trở về, đem về tất cả những bí quyết kỹ thuật tối tân Tây Phương để xây dựng lại một Nhật Bổn hùng cường thịnh đạt như chúng ta thấy ngày nay, là một khuyến khích và một tin tưởng lớn lao, qui báu, cho thanh niên và Dân-tộc Việt-Nam. Sau Đệ-nhị thế-chiến, Nhật-bản cũng là một nước chậm tiến, tuy họ đã tiến bộ hơn Việt-Nam nhiều. Và họ đã phải mời, thuê đắt tiền những cố vấn và chuyên viên kỹ thuật Đức, Anh, Mỹ, để giúp đỡ họ trong lúc họ gọi thanh niên sinh viên đi học hỏi ở các nước ngoài. Kết quả, là ngày nay Nhật không cần đến cố vấn và chuyên viên ngoại bang nữa, và những chuyên viên Nhật du học ở hải ngoại về đã có đủ khả năng tự điều khiển cơ cấu phát triển khoa học, kỹ thuật, và kỹ nghệ, thương mại của họ, chẳng thua kém một nước nào trên thế giới.

Một số ít chuyên viên Việt-Nam ở Mỹ Pháp, Đức, Nhật, đi du học thành tài đã trở về nước. Họ đã tham gia đắc lực vào một số ngành kỹ thuật chuyên môn về công nghệ. Nhưng chưa thấm vào đâu. Sự phát triển khoa học tối tân hiện nay đòi hỏi cấp bách một số lượng chuyên viên vĩ đại. Nhưng chúng ta có thể tin tưởng rằng một ngày nào đó tuần tự nhi tiến, các lớp người mới của Việt Nam ở ngoại quốc về, dồi dào khả năng kỹ thuật và đầy đủ kinh nghiệm tối tân, sẽ lần lượt đem những bí quyết tinh vi của khoa học và học thuật Âu Mỹ, về phục vụ cho công việc xây dựng kỹ nghệ, kinh tế, văn hóa quốc gia cũng như trên các lĩnh vực khác.

Chừng đó, hiện tượng chậm tiến hôm nay sẽ đương nhiên được giải quyết một phần nào. Sau một giai đoạn cần thiết chuẩn bị khả năng đầy đủ, các nhân tài mới của Việt-Nam du học trở về, sẽ nhúng tay vào việc trong các ngành chuyên môn, thì hiện tượng chậm tiến mới được chấm dứt lần hồi.

Nếu không có những chuyên viên kỹ thuật mới của Việt-Nam, nếu không có những nhân tài ưu tú mới của Việt-Nam đào tạo và rèn luyện ở các lò văn minh tối tân Tây Phương, thì chắc chắn nước Việt-Nam sẽ tự sắp ngang hàng với các nước hậu tiến Phi-châu, và Dân tộc Việt-Nam đừng hy vọng bảo tồn được lâu bền độc lập và chủ quyền chính trị, quân sự, kinh tế của mình, giữa thời đại nguyên tử này.

Tôi tin rằng không một người Việt-Nam nào yêu Nước mà chối cãi điều đó.

□

II.— SINH VIÊN V.N. DU HỌC VÀ NGOẠI-NGŨ, YẾU-TỐ SỐ 1

Nhìn nhận sự cần thiết cấp bách gửi sinh viên Việt Nam đi học rất đông ở ngoại quốc, phải vài ngàn người mỗi năm, — (1) tức là nhìn nhận ngoại ngữ yếu tố số 1 của vấn đề

Đã từ lâu rồi, và hiện nay, chắc chắn là mãi mãi có ba ngoại ngữ được thông dụng nhất trên khắp thế giới về phương diện quốc tế khoa học, kỹ thuật, thương mại và ngoại giao :

Anh, Đức, Pháp.

Lý-do rất dễ hiểu : những nước-khoa học tối tân nhất, đã có những thành tích khoa-học tiên-phóng từ bao nhiêu thế kỷ, đã phát triển trước tiên về khoa học và kỹ, thuật kỹ nghệ, là Anh, Đức, Mỹ, Pháp, Nga.

Ý, Na-Uy, Thụy-Điển, Ba Lan, đều là những nước tiến bộ đứng về hàng thứ hai. Tất cả các nước khác, kể cả Nhật, Ấn-Độ, đều là những nước hậu tiến chạy theo sau các nước tiên phong Âu Mỹ mà thôi.

Vì lý do quan trọng ấy mà các quốc gia hậu tiến, đều tự bắt buộc, theo nhu cầu thực tế cấp bách, phải học ít nhất là hai tiếng ngoại quốc trên kia, để được trực tiếp hấp thụ và thấu triệt những tri thức tiến bộ của Tây-phương.

(1) Đây là một vấn đề khác, sẽ nói riêng trong một bài khác.

Cho nên những nước ở Đông-Nam-Á đã có sẵn một văn minh cổ truyền từ mấy ngàn năm họ đã văn minh trước dân tộc Việt-Nam ta bao nhiêu thế kỷ, như Trung-hoa, Ấn-độ, Nhật-bản đã không ngần ngại học các ngoại-ngữ trên kia để hấp thụ văn minh khoa học Tây phương. Tất cả thanh niên trí thức của họ, tất cả học-sinh, sinh viên Trung-Đại-học của họ đều phải học Anh-ngữ, hoặc Pháp, Đức ngữ. Riêng ở Nhật, tiếng Anh và tiếng Đức đã được dạy ngay trong chương trình các lớp tiểu học rồi.

Nhờ chính sách giáo dục khôn ngoan và sáng suốt của các chính phủ Nhật, Trung-hoa, Ấn-độ, từ giữa thế kỷ XIX, mà ngày nay các nước ấy mới có được những nhà bác học thông thái nổi danh quốc tế. Văn minh khoa học của họ cũng đã vượt theo kịp một phần nào văn minh tối tân của Tây phương, họ bắt đầu là những học trò của Tây phương mà thôi. Và họ chỉ đi trước Việt nam ta chừng một thế kỷ mà thôi.

Cho đến ngày nay, các nước chậm tiến Phi châu như Algérie, Tunisie, Maroc, Congo, mặc dầu vừa mới thoát khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp, từ sau đệ nhị Thế chiến, như Việt Nam, vẫn tiếp tục học Pháp ngữ trong chương trình từ các lớp tiểu học của họ. Trong lúc họ đuổi về xứ đại đa số người Pháp thuộc địa, thương mại, điền chủ, địa chủ, nghiệp chủ đã bóc lột họ từ gần 200 năm họ vẫn giữ lại hầu hết các giáo sư Pháp, các bác sĩ Pháp, để tiếp tục dạy Pháp ngữ và y khoa cho học sinh, sinh viên nam nữ của họ, và mở mang văn hóa Pháp ở các xứ họ.

Ấn Độ, sau khi đuổi thực dân Anh và thu hồi Độc lập, vẫn dùng tiếng Anh làm sinh ngữ chính thức trong hầu

hết các lãnh vực quốc gia. Họ tiếp tục cộng tác và liên hiệp với người Anh về văn hóa, khoa học, kỹ nghệ, thương mại, ngoại giao.

Anh ngữ vẫn được chấp nhận như là tiếng nói chính thức của thanh niên trí thức Ấn Độ hiện nay. Nó đã thành gần như là tiếng nói chính thức của toàn thể dân tộc Ấn độ trên lãnh vực thương mại và kỹ nghệ.

Hiện nay, hai ngoại ngữ Anh, Pháp, được phổ biến rộng rãi, và triệt để thông dụng trong các quốc gia như sau đây :

Anh ngữ : Mỹ châu (Bắc Mỹ và Nam Mỹ), các xứ A-rap, Trung Phi châu và Nam Phi châu, Hồi quốc, Ấn độ, Trung Hoa, Thái Lan, Nhật, Đại Hàn, Phi Luật Tân, Úc, Indonesia, Mã Lai.

Pháp ngữ : Các nước Bắc Phi, Madagascar, các nước Cận Đông, Syrie, Liban, Iran. (Pháp ngữ và Anh ngữ) Cambodge, Lào.

Các nước Cộng sản học tiếng Nga và tiếng Anh.

Chỉ có ở Việt Nam là quốc gia duy nhất trên thế giới mà có một số người đòi tẩy chay ngoại ngữ trong các chương trình Đại-học, để học bằng tiếng Việt mà thôi.

★ NGUYỄN - VỸ

Kỷ sau :

III. — Phá sản của chương trình Việt ở Trung-Đại-học Việt-Nam.

IV. — Trách nhiệm của Bộ Giáo-Dục.

Ngày Xuân

NÓI CHUYỆN

Sống Chết

● THIẾU-SƠN

Tôi còn nhớ cách đây khoảng 15 năm tôi đã từng ăn Tết xa nhà ở một miền quê Nam bộ. Năm đó bọn văn nghệ sĩ chúng tôi có một

con heo ăn Tết và chúng tôi đã ăn Tết linh đình, văn hóa cao mà văn nghệ cũng cao. Văn hóa cao là có rượu có thịt, ăn uống phù phê và ngon lành. Văn nghệ cao là vui nhộn giữa các bạn văn nghệ, thi, ca, đờn địch đủ thứ và còn bố nhau đủ điều.

Có lẽ hồi đó tôi lớn tuổi nhất trong đám. Họ cứ nhè tôi mà họ phá. Họ hô to khẩu hiệu: « Hồ chí Minh muôn năm ! » rồi thỉnh thoảng họ lại hô nhỏ: « Thiếu Sơn sáu chục năm ! »

Tôi phản kháng: « Sao các cậu lại chỉ cho tôi có 60 năm ? » Anh em nói: « Anh được 60 năm là nhiều lắm rồi. »

Hồi đó họ nói chơi nhưng bây giờ đã là chuyện thật. Năm nay tôi đã được 60 tuổi, có lẽ còn sống thêm được vài năm nữa nhưng tới ngày hôm nay tôi đã

NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN SỐNG CHẾT

nhiều lần tưởng chết mà không chết.

Tôi không biết lỗi mà chìm xuống tưởng chết đuối mà có người vớt lên. Một lần chết hụt.

Máy bay Pháp tôi tấn công ở at trên đầu tôi cả mười mấy chiếc Bom nổ đạn rơi ở chung quanh tôi mà tôi vẫn không chết. Lần thứ hai thoát chết.

Hết giấc về nhà, tưởng là êm ấm, ai dè cụ Ngô cho lệnh câu lưu gần 4 năm và trong thời gian đó cũng nhiều lần chết hụt nữa.

Trải qua những tai nạn như thế tôi nhìn nhận lời anh em nói chơi là thiệt vì giữa những sóng gió của đời trong khoảng 15 năm qua sống khó mà chết dễ. Họ không có ác ý nhưng có lẽ họ đã nghĩ rằng trong hoàn cảnh đó con người rất khó sống được lâu. Họ cho tôi sống tới 60 là họ đã cho tôi một cách rất rời rạc.

Họ rời rạc với tôi mà họ không hề nghĩ tới họ vì trong số đó biết bao người đã từ già cõi đời trước tôi. Họ chết vì bom đạn Họ chết trong lao tù. Họ chết vì bệnh hoạn. Và hiện nay

không còn người nào ở gần tôi. Té ra tôi thọ hơn họ nhiều lắm.

oOo

Nhưng sống lâu phải chăng là một hạnh phúc ? Tôi có một bà cô sống tới gần 90 tuổi và mới qua đời sau Tết. Cô tôi là phụ nữ rất đảm đang, đã nuôi chồng, nuôi con, nuôi cháu và đã gây dựng cho bao người hiện nay đã thành đạt. Nhưng vì đã hy sinh nhiều quá cụ suy nhược dần dần và tới tuổi già lại thêm nhiều bệnh hoạn. Những năm chót cụ chỉ nằm một chỗ để con cái phụng dưỡng. Con cái đã làm hết bổn phận nhưng cụ không chịu chết mau. Cụ khổ mà con cụ cũng khổ. Chúng nó phải sống, phải nuôi con phải kiếm thêm tiền để đối phó với sự leo thang của mức sống. Cụ thấy cụ là một gánh nặng cho chúng nó. Chúng nó cũng thấy như thế mà không có nói ra.

Rồi cụ mong mỗi được chết. Rồi chúng nó cũng mong mỗi như thế. Và rồi cụ được chết trước sự vui mừng của tất cả mọi người. Nhưng vui mừng mà vẫn phải khóc kè, làm như ai cũng muốn cho cụ được sống thêm. Cái bi

đất là ở chỗ đó. Phải làm sao cho người ta được sống thật với lòng mình?

Tôi đưa đám cô tôi. Tôi quý lạ trước quan tài của người quá cố.

Tôi nghĩ tới công ơn của cô khi mẹ tôi chết sớm và đã săn sóc tôi như một người mẹ. Nhưng tôi cũng không muốn cô sống thêm làm gì. Cor ruột của cô còn không thể phục vụ cho cô được thì tôi tài gì mà thay thế cho mấy em. Tôi thấy con người chỉ cần sống khi còn những khả năng để sai bồi cho sự sống của mình và sự sống của thiên hạ. Tới khi mình đã làm xong nhiệm vụ của mình rồi, khi đời không cần dùng tới mình nữa thì cũng chẳng nên sống thêm làm gì nữa.

Sống thêm chỉ thêm khổ cho mình và khổ cho người khác. Đạo hiếu là một đạo cao cả. Nhưng nó chỉ cao cả khi nó không đòi hỏi những hy sinh quá mức, khi nó không bắt buộc người sống phải bỏ người sống để lo cho người chết và những người chờ chết.

Do đó mà tôi thấy rằng đời

người không cứ phải sống lâu mới bổ ích cho đời. Có những người bạn của tôi đã chết trước tôi, chết sớm hơn tôi nhưng họ đã cống hiến rất nhiều cho đời sống của dân tộc. Họ chết rồi mà tôi nay còn nhiều người nhắc tới họ. Những bài nhạc, những bài thơ, những bài văn kháng chiến của họ đã thúc đẩy một phần nào cao trào tranh - đấu của toàn dân. Nay họ chết rồi mà người ta còn nhớ, còn đọc, còn hát, còn ngâm.

Tôi sống lâu hơn họ, nhưng nếu tôi không làm được như họ hay làm khác họ thì sự sống lâu của tôi nào có ích lợi gì?

Ngày xuân mà nói chuyện chết là xui xẻo. Nhưng qua 22 năm chiến tranh biết bao nhiêu người đã chết. Có người chết già, chết bệnh. Nhưng cũng nhiều người chết để giữ đất, giữ làng. Nếu chiến tranh không tàn diệt được dân tộc này thì những kẻ đã chết chính là những người đã chết cho dân tộc được sống.

Mà dân tộc sống thì họ vẫn sống. Sống trong lòng dân tộc.

Do đó mà ngày xuân tôi nói chuyện sống và chết.

★ ★ ★

không nói

Rồi phải nhìn nhau không nói

Biết làm sao? Tình chàng nên duyên

Anh mất hai mươi mùa Xuân kỷ thác
Này màu tím từng trợn vện gửi Người
Đề bây giờ còn lại trong tôi
Những dư ảnh, những tâm tình lơ đãng
Nào trang giấy học trò màu xanh còn đỏ
Nào bước chân đi chưa hết một con đường
Đề ngàn sau, dù nguyện ước một yêu thương
Rồi gặp gỡ, vẫn ngại ngùng không nói.

TI ANH - ĐỖ

Saigon đầu mùa Xuân 67

mười năm

□ TRẦN - MINH - PHÚ

Thôi người xa quá tâm lag
Nhớ thương cộng mãi từng cây số ngàn
Nền đầu ai thấp hai hàng
Mà nghe chiều-niệm một nắng một lời
Lạy quê hương, lạy tuổi đời
Từ phen phiêu-bạt cũng rời rã thân
Lạy yêu thương, lạy cả năng
Nuối nhau còn chút vô-vàng hồn trai
Mời năm hương tóc ngài bay
Vàng tam-sự, đỏ những bài thơ riêng
Khép trang nhật-ký mở thiêng
Tắm thân bất-toại e phiền-lụy ai ..

(1954 — 1964)



ĐANG bữa ăn, chuông điện thoại réo vang bên phòng khách. Thu vội buông đĩa bước sang. Năm phút sau nàng trở ra, mặt nghiêm trang như vừa được nghe một câu chuyện quan trọng.

Sơn vội hỏi :

— Chuyện gì thế em ? anh có thể biết được không ?

— Một người bạn cho hay ông Vinh đã chết vì đứt mạch máu.

Sơn nói như reo lên :

— Nếu vậy em khỏi phải lo ngại vội về món nợ của ông ta.

Thu lắc đầu :

— Đầu có được, ông ta có một



người cháu trai hưởng thừa tự. Em tin rằng chỉ nội hôm nay hoặc ngày mai là cháu ông ta sẽ tới hối thúc số nợ của mình, không khéo lại còn quá quắt hơn chú của y nữa.

MẶT ĐẸP CỦA TÌNH YÊU

Đứt lời Thu thở dài và buông đĩa. Nàng ra ngồi nơi chiếc ghế mây đặt cạnh cửa sổ. Khung cảnh cây cối um tùm của căn trại như làm lắng dịu cơn buồn thoáng qua của nàng. Liếc nhìn Sơn còn ngồi ngẩn ra như đang suy nghĩ điều gì, Thu chợt mỉm cười. Hình của nàng và Sơn thành hình rất bất ngờ nhưng rất đậm thắm.

Ngay lúc đó, có tiếng còi xe hơi từ ngoài cổng lớn vọng vào rồi một chiếc xe Hê ky màu hoa cà đang từ từ lăn bánh qua cổng và đỗ lại trước căn phòng khách. Một người đàn ông tuổi độ 30, đeo kính trắng, tay xách chiếc cặp da đen bước xuống. Thu ngạc nhiên không hiểu khách là ai nhưng nàng cũng bước ra cửa đề đến người lạ. Thấy Thu, ông ta tự giới thiệu :

— Chào cô, tôi là Thành, cháu ông Vinh.

Thu thoáng giật mình nhưng nàng trấn tĩnh được ngay. Nàng mời ông Thành vào phòng khách.

— Chắc cô là cô Thu, nếu tôi không lầm ?

— Vâng, chính tôi.

Thấy Sơn tiến tới, ông Thành ập ứng nói :

— Còn ông đây là..

Thu vội nói tránh :

— Đây là anh Sơn, anh họ tôi.

— Rất sung sướng được quen biết ông, ông Thành cúi đầu chào.

— Ông dùng một chút bia nhét Thu mời khách.

— Vâng, cảm ơn cô.

Thu xin lỗi khách đề vào nhà trong lấy nước. Ngoài phòng khách, không khí như nặng nề bao trùm quanh hai người đàn ông. Ông Thành thỉnh thoảng lại liếc nhanh nhìn ông anh họ của cô chủ đồn điền trẻ như dò xét, như ngại ngùng. Ông ta chưa biết mở đầu câu chuyện ra sao thì Thu bước ra, theo sau là người làm mang khay nước.

Sau khi uống gần cạn ly nước, ông Thành nhìn Thu ập ứng nói :

— Chắc cô cũng đã rõ ông chú tôi đã mất. Tôi biết, khi ông còn sống ông không được lòng mọi

người, và trong số những người đó tôi tin chắc rằng có cả cô.

Thấy Thu định nói, ông Thành vội xua tay :

— Xin cô cứ để tôi nói tiếp, cô đừng cãi chính, tôi biết lắm và tôi cũng biết rằng cuối tháng chạp này, theo văn tự nợ, cô phải trả hết gốc lẫn lãi cho chú tôi. Vì thế hôm nay tôi tới đây để xin cô một ân huệ.

— Một ân huệ ? Thu ngạc nhiên kêu lên. Xin lỗi ông, tôi không hiểu gì cả.

Thành gật đầu :

— Vâng, tôi nói xin cô một ân huệ nghĩa là, chúng tôi sẽ hủy bỏ tờ văn tự nợ cũ để làm lại bản mới. Cô chỉ phải trả tiền lãi trước mà thôi, còn tiền gốc để lại sang năm. Tôi muốn như thế là để chuộc lại những sự phiền muộn của chú tôi đã mang đến cho cô.

— Thục vậy sao thưa ông. Thành mỉm cười :

— Vâng. Và tôi chắc cô cũng bằng lòng ?

— Vâng, ông nói đúng, tôi mừng quá. Chẳng bù với...

Chợt nhận thấy mình đã nói hớ. Thu vội nín bật, ngượng ngịu. Nàng nói nhỏ :

— Xin lỗi ông.

— Tôi hiểu, tôi hiểu. Cũng vậy, tôi mới nói xin cô một ân huệ.

— Không, chính ông đã ban ân huệ cho tôi mới đúng, Thu nói.

Thành đứng dậy cáo lỗi :

— Thứ hai tới tôi sẽ trở lại đón cô lên Dalat để làm lại giấy tờ. Sau đó tôi mời cô dùng cơm trưa cùng tôi tại nhà hàng. Cô nhận lời chứ ?

— Vâng, ông tốt quá.

Quay sang phía Sơn, nãy giờ chỉ hút thuốc lá và nghe chuyện, ông Thành lên tiếng :

— Chắc hôm đó ông cũng vui lòng cùng đi với chúng tôi chứ ?

Sơn chậm rãi trả lời :

— Có lẽ cô em tôi muốn tôi ở nhà thì đúng hơn.

Thu hơi cau mày khi nghe Sơn nói vậy nhưng trái lại, ông Thành lại tươi nét mặt. Một niềm vui

khó tả đột nhóm trong lòng ông. Ngay phút đầu tiên gặp cô gái, ông đã xao động vì nét mặt khả ái của nàng. Ông không ngờ Thu còn trẻ quá. Ý nghĩ muốn nàng làm vợ chợt hiện nhanh trong óc.

Những nét xúc động trên khuôn mặt của ông Thành không qua khỏi cặp mắt tinh ý của Sơn. Khi người chủ nợ ra về rồi, Sơn thản nhiên nói với Thu :

— Anh xem ý anh chàng Thành này đã mến em. Không khéo đã có một tiếng sét ái tình nổ trong tim anh.

Thu cau mày :

— Anh nói vậy em không bằng lòng chút nào. Anh đã ghen với người ta hay sao ?

Sơn cười xòa :

— Anh đâu có ghen. Thấy thế nào anh nói vậy. Còn em có đề ý tới hẳn hay không là do em cơ mà !

Thu cầm tay Sơn :

— Không, ngoài anh ra không thể có một hình ảnh nào khác có thể len lỏi vào trái tim của em được.

Không trả lời, Sơn kéo người

yên vào lòng và đặt lên môi nàng một nụ hôn. Thu cũng ôm ghì lấy Sơn và hôn say đắm.

oOo

Sau bữa tối tìm Thu, ngày nào ông Thành cũng lái xe từ thị xã Dalat đến đồn điền Hương Thu để thăm chủ nhân mà cũng là người yêu trong mộng của ông ta. Mỗi lần đến, nếu không mang hoa thì ông ta cũng mang bánh kẹo để biếu người đẹp. Và cứ mỗi lần Thành tới, Sơn lại lánh mặt. Anh không muốn để cho hai người mất tự nhiên do sự có mặt của anh trong câu chuyện.

Sáng ngày thứ hai, Thành lái lên xe tới đồn điền để đón Thu đi Dalat. Sơn từ chối không đi, rên đường đời quanh co dẫn tới thị xã, Thành cười nói vui vẻ. Nhiều lúc Thành muốn bạo dạn nắm lấy bàn tay người con gái để thử thật tình yêu của mình nhưng rồi anh lại không dám.

Khi tới bàn giấy của Thành, hai người gặp một cô có vẻ đẹp sắc sảo đang ngồi chờ ở đó. Người con gái cau có khi nhìn thấy Thành đi với một người lạ. Cô ta hỏi bằng một giọng gay gắt :

MẶT ĐẸP CỦA TÌNH YÊU

— Sao bữa nay anh đến bàn giấy muộn thế? Vui vẻ nhỉ!

Thành đỏ mặt, cau có đáp:

— Em nói gì thế? Đây là bà Thu chủ đồn điền Hương Thu đến đây có việc.

Quay sang phía Thu, Thành nói tiếp:

— Đây là cô Oanh, một cô bạn gái.

Oanh giận dỗi đứng dậy:

— Nếu anh bận thì tôi về.

Nói xong Oanh cầm ví đi ra cửa không cả chào ai. Thu đứng yên không nói gì. Thành thở dài:

— Tôi rất khổ sở vì cô ấy. Chúng tôi biết nhau khi tôi sang Pháp học, ở nhà chú tôi đã tự quyền hỏi cô ta cho tôi và bây giờ nàng đã coi mình là vị hôn thê của tôi rồi. Nhưng tôi đâu có ưa thích gì cô ta.

Thu ngắt lời:

— Cô gái đẹp đấy chứ! Kể hai người lấy nhau là xứng đôi lắm rồi.

Thành lắc đầu:

— Cô lầm rồi. Không bao giờ tôi lấy cô ta, những người đàn bà

quá ư mới như cô ấy giống như những con ngựa bất kham, khó trị lắm. Nếu bảo tôi lấy cô ta, thà rằng tôi đi tu còn hơn.

Thu cười:

— Ông nói quá!

— Tôi nói thiệt đấy. Rồi cô xem ai sẽ là vợ tôi.

Thấy Thành nhìn mình hơi khác lạ, Thu vội cúi mặt để lảng tránh. Nàng nghĩ thầm: « Có lẽ Thành đã yêu ta. Nhưng ta đã có Sơn rồi! »

Sau khi làm xong giấy tờ, Thành mời Thu đi ăn cơm trưa. Thấy không có điều gì bất tiện, Thu nhận lời ngay.

Bữa cơm của hai người sắp xong thì Oanh lộng lẫy bước vào tiệm. Nhìn thấy hai người đang ăn cơm, Oanh cau mày quay ra. Nhưng nghĩ sao đó cô gái lại quay vào. Nàng chọn chiếc bàn trống ngay cạnh bàn của Thành và Thu. Thành vội đứng lên ắp úng nói:

— Kia em sang đây ngồi ăn cả thề cho vui.

Cô gái cong cớn:

— Cảm ơn lòng tốt của anh. Đi sang bên để ăn cơm thừa à!

MẶT ĐẸP CỦA TÌNH YÊU

Thành đỏ mặt:

— Sao em nói kỳ cục vậy. Mình gọi lấy thức ăn mới chứ. Sang bên này đi em.

Oanh vẫn lắc đầu từ chối. Thu thấy mình ngồi lại vô ích nên đứng dậy cáo từ.

— Cảm ơn ông đã giúp tôi về món nợ cũng như bữa này. Hôm rằm rảnh mời ông tới đồn điền chơi.

Thành đứng lên bắn khoản hỏi:

— Nhưng làm sao cô có xe để về bây giờ. Cô chờ...

Thu xua tay:

— Thôi tôi chẳng dám làm phiền tới ông nữa. Tôi có thể đón xe xin quá giang được mà.

Liếc nhìn thấy Oanh đang chăm chú nghe chuyện, Thu mỉm cười nói tiếp.

— Ông nên ở lại đây để còn tiếp bà Oanh chứ!

Như bị lôi về hiện tại, Thành thở dài:

— Vâng cô về trước. Lúc nào rảnh tôi sẽ xuống đồn điền thăm cô.

Thu cúi chào Thành lần nữa và vì lịch sự nàng chào cả Oanh. Cô gái đành miễn cưỡng đáp lễ.

Thành kêu nhà hàng tính tiền bàn mình rồi sang ngồi với Oanh. Cô gái cần nhẫn:

— Sao anh không đi luôn đi.

Thành cau mày:

— Sao em ăn nói lạ nhỉ! Người ta là khách, mình phải tiếp đãi chứ. Còn như em với anh thì lại lúc nào chả gặp nhau.

— Anh tính bao giờ đi thăm cô ta?

Thành nhún vai:

— Đây là anh nói cho có chuyện vậy thôi.

Oanh nói nhỏ qua kẽ răng:

— Tôi cấm anh không được đến đồn điền con nhò đó nghe chưa! Nếu anh nhất định đi coi chừng tội.

Thành nóng mặt:

— Em cấm tôi?

— Phải, Oanh gật đầu.

— Em lấy danh nghĩa gì mà cấm tôi?

— Là vợ chưa cưới của anh.

MẶT ĐẸP CỦA TÌNH YÊU

Thành cười gằn :

— Từ quen nhau tới vợ chưa cưới và từ chỗ vợ chưa cưới tới làm người vợ có xa xôi cách trở không nhỉ ?

Cô gái ngằn mặt không hiểu. Thành nói thế có ngụ ý gì. Nàng nhác lại :

— Anh thử nói rõ cho tôi nghe xem nào.

Thành nhún vai :

— Em không hiểu à. Bao giờ em đi lấy chồng em sẽ hiểu.

— A. Oanh kêu lên. Nàng sa xãm mặt :

— Tôi biết những ý nghĩ đen tối của anh rồi. Anh nên nhớ, anh đừng nên coi thường con này. Dù không lấy anh tôi cũng còn chán vạn người đang đeo đuổi tôi sau lưng. Chỉ một cái gật đầu của tôi là có khối đũa quỳ xuống bên

chân tôi.

Thành cười khẩy :

— Chắc chắn là không có tôi rồi.

Oanh vụt đứng dậy, cầm ví đi ra thẳng ngay lúc người bồi mang cơm và đồ ăn đến. Hắn thuôn mặt nhìn theo khách hàng đang rào bước băng qua đường. Thành mỉm cười nói nhỏ :

— Anh cứ đi đây rồi tính tiền cả về tôi. Bây giờ anh hãy đi lấy cho tôi một Consommation whisky uống chơi.

— Dạ !

Thành ngược nhìn theo bóng dáng Oanh khuất nơi đầu phố và anh liên tưởng tới khuôn mặt khả ái, dễ thương của Thu

— Thu Thành gọi thầm trong miệng Phải là em..



CÁO LỖI

Vì tác giả bận việc nên tạm gác bài *Mình ơi !, Tuấn, chàng trai nước Việt, Saigon Châu - Đốc* lại một kỳ. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý bạn đọc.

PHỖ THÔNG TẠP CHÍ

* AI ĐI SỬ SANG TÀU ĐỀ
NGHIÊN CỨU PHÉP LÀM
LỊCH ?

* CÂU CHUYỆN BẤT KHUẤT
CỦA VUA TRẦN - MINH -
TÔN ĐỐI VỚI SỬ GIẢ
NHÀ NGUYỄN ĐEM LỊCH
SANG TẶNG NƯỚC TA.

NUỚC TA CÓ ÂM - LỊCH TỪ, BAO GIỜ ?

• ÁI-LAN

Cổ lệ của nước Việt-Nam ta từ xa xưa, trải qua bao triều đại cho đến triều Bảo-Đại là oàng vua sau cùng, năm nào cũng vậy, cứ sáng sớm ngày mừng một Tết Nguyên-Đán là nhà vua phải làm lễ rất long trọng để ban hành quyền lịch năm mới cho thần dân trong nước.

Lễ ấy gọi lễ « Ban Sóc ».

Hôm lễ cử hành, văn võ bá quan phải mặc triều phục, sắp hàng làm lễ triều hạ trước lầu Ngọ môn. Hai bên giàn những tàn lọng, cờ quạt quân lính, ngựa voi trông rất uy nghiêm trang trọng. Giờ hành lễ đó dù có gặp phải mưa gió, giá rét, các quan có bị mưa ướt át hay lạnh run cũng phải kính cẩn giữ lễ tới cùng, cho đến khi dứt lễ mới thôi. Và đầu ngày ấy có phải bão lụt, sấm sét mưa gió đến đâu, cuộc lễ « Ban-sóc » cũng không vì thế mà trì hoãn hay kén phần trọng thể được.

Với những người nông cạn, không nhận thức được nguyên lý những tục lệ xưa của tiền nhân ta, hẳn cho rằng bành vĩ ấy là quái dị. Mỗi năm phân

phát một quyển lịch, việc gì phải bày vẽ ra lễ nghi phiền phức và long trọng quá như vậy.

Nhưng, họ có ngờ đâu trong sự ban hành quyền lịch có một ý nghĩa thiêng liêng đối với quốc kế dân sinh.

Nước nào xưa nay cũng xem lịch làm trọng, sự quan yếu của lịch chẳng những để cho người ta nhận rõ ngày tháng, thời tiết, lại cốt lấy sự đúng làm gốc cho điều tin trong mọi việc sinh hoạt, chính trị, lễ giáo. Từ xưa, những nước sống về nông nghiệp như Tàu, Nhật, Việt-Nam, Cao Ly... càng xem trọng lịch, vì công việc cày cấy, trồng tía của dân thường quan hệ với quý tiết biến hóa, thời hậu đổi thay nhà làm ruộng cần phải biết rõ để cho nông sự được tiến hành thuận lợi đúng tiết, phải mùa, làm cho ngũ cốc được phong đăng, mùa màng khỏi thất bát. Người lãnh đạo cầm quyền trị nước có trách nhiệm về sự sinh tồn của dân, xem việc làm lịch và ban bố lịch cho nhân dân rất là trọng hệ, nên phải kính cẩn việc làm lịch và tôn trọng việc làm lễ ban lịch,

Sau lễ « Ban sóc » khắp Trung, Bắc, nhà nào cũng được nhà vua ban cho một quyển lịch đóng bìa giấy vàng, có chữ « *Hiệp Kỷ Lịch* ».

Một sứ giả Trung-Hoa bị « sửa lưng »

Nước ta vào đời nhà Trần mới đặt sở Thông-thiên-giám (tức là sở Thiên-văn bày giờ) chuyên việc làm lịch. Đó là lịch Hiệp kỷ, Có lẽ ban sơ, kẻ cụ xem thiên văn và phép tính toán của ta còn khuyết kém thô sơ. Về sau mỗi thời mỗi sửa sang cải tiến thêm, nhưng cái tên Hiệp kỷ vẫn không thay đổi.

Có lẽ Hiệp kỷ lịch căn cứ theo Thụ thời lịch, của nhà Nguyên mà thụ thời lịch truyền sang nước ta cũng do bánh xe thông sứ vậy.

Trong sách « *Lịch triều Hiến-chương* » của ông Phan huy Chú quyển thứ 48, về mục Bang giáo có đoạn chép như sau :

«Niên hiệu Khai Thái năm đầu (1) nhà Nguyên sai Thượng-thư Mã-Hợp-Mưu và Dương-Thụy đi sứ qua nước ta, nói cho biết vua Nguyên mới lên ngôi, nhân dịp đó, biểu nước ta một quyển Thụ-thời-lịch.

(1) Đời vua Trần-Minh-Tôn, *Tập Lịch*.

« Bọn Mã-Hợp-Mưu nghênh ngang hống hách; cỡi ngựa đến hồ Tây-thấu mà chưa chịu xuống ngựa. Những người mình am hiểu tiếng Tàu, vàng lệnh vua ra nói chuyện với họ, từ giờ Thìn đến giờ Ngọ mà họ vẫn khăng khăng không chịu xuống ngựa.

« Sau vua sai quan Thị lang ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra lấy lý lẽ bắt bẻ ». Hợp mưu không cãi vào đâu được. Bấy giờ hần mới đành xuống ngựa, bưng hộp chiếu sắc của vua Nguyên, đi bộ vào.

« vua ta thấy thế mới bằng lòng.

« Đến lúc bọn Hợp mưu về nước rồi, vua sai Mạc đỉnh Chi đi sứ sang Yên Kinh cảm ơn và chúc mừng vua Nguyên mới lên ngôi »

Trong tập chí « *Thái bình dương* » nói về ảnh hưởng văn hóa Trung quốc với các dân tộc chung quanh, tác giả là Trúc Khả Trinh, một vị giáo sư Tàu ở Trường Bắc kinh Đại học, đã chứng dẫn sách vở đời Nguyên, viết rằng :

« vào khoảng đầu thế kỷ 14, các nước Nhật bản, Cao ly, An

Nam, đều có phái người đến Nguyên triều khảo cứu về thiên văn học và phép làm lịch vì lịch pháp ở Trung quốc lúc bấy giờ đã bắt đầu tham bát cả lịch pháp Tây phương, do lúc quân Mông Cổ đi Tây chinh mang về, có phần sửa sang hơn trước. »

vậy thì đã nhằm vào lúc ông Mạc đỉnh Chi đi sứ sang Tàu để đáp lễ và chúc mừng vua nhà Nguyên mới tức vị như sách « *Lịch Triều Hiến chương* » đã nói trên kia. Tất nhiên lúc sứ Mạc đỉnh Chi đi sứ, có đem theo mấy nhà thiên văn sứ mình sang Tàu học phép tính toán làm lịch rồi ta nhận quyển lịch Thụ thời được vua Nguyên tặng mà làm ra Hiệp kỷ lịch từ đó.

Lịch Thụ Thời nguyên của một người có tài thiên văn tên là Quách-thủ-Kính soạn ra từ năm hi-nguyên thứ 17, đời vua Nguyên thế tổ, tức là Hốt-tát-Liệt, người sáng lập triều Nguyên làm chủ Trung-quốc, hạt lần sai con đem mấy chục vạn hùng binh sang xâm lược nước ta đều bị Hưng-đạo-vương đánh lui. Quách-thủ-Kính thông thạo cả thiên văn lịch số phương Tây, do những tin đó đạo Hồi truyền

sang nước Tàu lúc ấy mà làm ra Thọ thời lịch, thông dụng lúc bấy giờ.

Nhưng sự thật, không phải đến thời đại đó người Tàu mới có lịch mà dùng, cả ta cũng thế. Ở phương Đông, nhất là nước Tàu, từ thời Thượng cổ, phép làm lịch đã mở mang phát đạt lắm rồi.

Cách đây hơn 4 ngàn năm, đời vua Nghiêu (trước Tây lịch độ 2 000 năm) đã dạy dân phương pháp nhận rõ bốn mùa sớm muộn phân biệt. Đại khái là mỗi khi đến ngày xuân phân, thu phân, hạ chí, đông chí vào lúc hoàng hôn, cứ xem ngôi sao gì mọc ở phương nam thì quyết định được thời tiết mỗi mùa thay đổi. vua Nghiêu từng lấy 366 ngày làm thời kỳ tuần hoàn quý tiết, tức là một năm. Lại đặt ra tháng nhuận để cho lịch với các quý tiết được hợp với nhau.

Các thời vua truyền nối nhau đời ấy đều lấy việc « trị lịch minh thời » làm nhiệm vụ thứ nhất. Vì nông nghiệp quan hệ, thành ra lịch pháp ở nước Tàu là một môn học để vương, và

theo mục đích ấy càng ngày càng phát triển lên.

Thời Xuân Thu chiến quốc, về phương diện thiên văn lịch của người Tàu đã tiến tới khá lắm, sánh với tây phương, thì Đông Phương hơn nhiều về môn học này. Trong thiên nguyệt lệnh của sách Lễ ký biên chép những chính sự trong một năm 12 tháng thật đáng cho ta chú ý, tổ ra lịch pháp nước Tàu đã tổ ra phân minh tiến bộ thế nào.

Kể từ Hán vũ Đế thái sơ năm đầu (104 năm trước tây lịch) cho tới cuối triều Mãn Thanh, phép làm lịch thay đổi sửa sang cho tới 46 lần. Nhưng nguyên tắc thì vẫn là lịch Thái âm, Thái dương (1) đời cổ lưu truyền không hề thay đổi. Tuy mỗi lần sửa đổi có vài điều khác nhau, nhưng căn bản của nó là hạ chính tức là lấy Lập xuân làm tiết tháng giêng. Đến triều Minh Thanh lại thêm nhập khoa học thiên văn của phương Tây, cách thức tính toán làm lịch mỗi ngày

(1) Căn cứ theo tuần trăng tròn khuyết và cả sự vận hành của mặt Trời

được thêm tinh tường hơn trước.

Như vậy thì thời Thượng cổ ở Trung quốc đã có lịch và biết làm lịch. Cũng vào thời ấy, nước Việt-Nam ta đã liên lạc với nước Tàu cả về chủng tộc và văn hóa. Mấy nghìn năm trước thì hoàn toàn nội thuộc, ta với Tàu hỗn hợp làm một chẳng nói làm chi, đến nhà Đinh trở đi, ta trở nên một quốc gia biệt lập, tự trị mặc lòng, nhưng vẫn kết chặt mối tình lân bang bằng sợi giây giao thông là cống sứ. Trong những thời đại ấy lịch pháp của Tàu cũng là một thứ văn hóa mà ta thấu đạt. ví dụ đời Tống ra lịch Thống thiên, ta cũng dùng lịch Thống thiên, đời Nguyên ra lịch Thụ thời, ta cũng theo lịch Thụ thời, rồi tới hai triều Minh Thanh làm lịch Sùng tinh và Thời hiến, theo cách tính toán mới của Ông Cố đạo gia Tô đem lại, ta cũng nhận đây mà sửa sang Hiệp kỷ lịch của ta. Có thể nói lịch Tàu lịch ta chung một nguồn gốc, mỗi đời bên Tàu dùng lịch nào thì bên ta cũng dùng lịch ấy.

Nước Tàu coi quyền lịch có

một ý nghĩa chính trị rất quan hệ đối với các nước nhỏ chung quanh vẫn giữ phận cống sứ, phụ thuộc. Không nói về vật chất và thực tế, cứ nói ngay về tinh thần mà thôi, một tiểu bang nhận dùng lịch thư của một triều đình chính phủ nào bên Tàu bất luận, họ xem đấy tức là dấu tỏ thần phục triều đình chính phủ ấy.

Vì thế, mà cuối thế kỷ 17, giữa cuộc ngoại giao của nước ta và Tàu, có một chuyện rắc rối buồn cười chỉ vì chuyện lịch :

Chúa Trịnh làm gián điệp viên.

Lúc ấy Mãn Thanh vào làm chủ Trung quốc chưa được bao lâu, Ngô tam Quế, một danh tướng nhà Minh trước thì mãi quốc cầu vinh giờ lại xoay ra phản đối, xưng đế và lập một triều đình riêng ở Vân Nam, ra mặt chống cự Mãn Thanh.

Mấy tỉnh miền Nam nước Tàu đang căm thù Mãn Thanh là dị tộc đến đề đầu cỡi cổ mình nên đã rục rịch hưởng ứng. Nhưng Ngô tam Quế muốn kết vây cánh với các nước Phiên thuộc ở gần, để chia bớt thanh thế nhà

ÂM LỊCH

Mãn Thanh và mang thêm uy lực của mình. Nhân được nghe tiếng chúa Nguyễn có thủy quân giỏi — có lẽ vì nghe chuyện ta đánh bại thủy quân Hòa lan hồi 1644 Ngô tam Qu³ sai sứ đem thư và lễ vật đến tận Quảng Nam cầu chúa Nguyễn đứng về phe mình. Đồng thời, Ngô gởi một quyển lịch, tức là lịch, của triều mình ngày trước mà Ngô in lại, để tôn hiệu mình đề chúa Nguyễn phải thu nhận với sự kính cần. Nhận lịch của Ngô tức là chúa Nguyễn đồng tình hiệp lực với Ngô phản đối Mãn Thanh.

Không hiểu chúa Trịnh Tạc xử Bắc đồ là thế nào đó mà biết được tin bí mật kia. Trong lòng đang tức vì mấy phen muốn hạ chúa Nguyễn không được, Trịnh Tạc sai người sang Yên kinh năm 1680 dâng mật biểu tố giác với Mãn Thanh rằng chúa Nguyễn ở Quảng nam theo phe Ngô tam Qu³, vì đã tiếp sứ và nhận lịch của Ngô. Trong ý Trịnh Tạc muốn nhờ tay Mãn Thanh trừ họ kẻ thù địch mình.

Ông cố verbiest tên Tàu là Nam Hoài nhân lúc đó làm quan ở triều đình Mãn Thanh giữ



chức giám chính Nhâm thiên giám, coi việc làm lịch, thuật chuyện rằng tờ mật biểu của chúa Trịnh gởi sang chính ông đã được xem.

Tuy là Mãn Thanh lúc bấy giờ không để cho chúa Trịnh lợi dụng, nhưng vẫn ghim giữ chuyện kia không quên. Cách sau 22 năm, tức năm 1702 chúa Nguyễn phúc Chú sai sứ đi cống nhà Thanh, xin phong vương cho mình, nhưng Thanh triều trả lời nước Nam đã có họ Lê không thể phong vương cho họ Nguyễn được. Chúa Nguyễn tức mình, tự xưng là Quốc Chúa và đúc ấn có những chữ « Đại Việt Quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo » truyền cho đời họ đến đời kia xem như truyền quốc ngọc từ đời Gia Long mới bỏ.

Đoạn trên đã nói đời Trần nước ta, nhân theo thụ thời lịch

ÂM LỊCH

nhà Nguyễn mà làm ra Hiệp kỷ lịch thành lịch riêng của mình. Về sau hai triều Minh và Thanh dùng trí thức mới của mấy vị giáo sĩ Tây phương : Ricci, Verbiest, Schall, Longodardi v. v. .. sửa sang phép làm lịch, ta cũng theo phương pháp cải lương lịch ta, nội dung có tùy thời mà biến dịch, nhưng danh hiệu vẫn không đổi khác. Đến sau gần đây mỗi năm, nhà vua phát về cho dân, vẫn gọi là Hiệp Kỷ lịch.

Nhưng đầu sao, căn cội của lịch ta vẫn là do các sứ thần của ta đi sứ qua Tàu rồi nhân đó, để rút thêm phương pháp làm lịch và nghiên cứu thiên văn học mà người có công nhất là ông Quách thủ Kính tháp tùng với cụ Mạc định Chi đi sứ sang Tàu. Trước đó, nước ta cũng đã có Khâm thiên giám — tức Sở Thiên văn — nhưng không được tinh tế lắm, sau này, các bậc tiền bối đó gia công nghiên cứu học hỏi thêm mãi nên lần lần được tiến bộ hơn.



Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

**Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo**



SÁCH BÁO MŌ'I

☐ Trăng-hào-kiệt

Thơ của Viên Tử Lăng. Viên Tử Lăng là bút hiệu của Đại úy Nguyễn Liễu, Tiểu khu An-Giang, đường Nguyễn Du. Những bài thơ tiền tuyến hùng hồn, chân thật. Nhiều bài rất giản dị, dễ thương. Đôi bài rất cảm động, như «khóc bạn vô tình».

Thành thật chúc Đại-úy thi-sĩ thành công bên võ như bài văn.

☐ Vết hằn rướm máu

Tập truyện của Ngô thị Xuân-Dung và Đồ-Quế-Lam. Kim Anh xuất bản sách trình bày đẹp. Gửi tặng. Không đề giá.

☐ Nguyệt-san sử-địa số 4

Nhiều bài vở khảo cứu giá trị của các Giáo-sư Đại-học và học giả danh tiếng : Hoàng-xuân-Hàn, Bửu-Cầm, Phạm-cao-Dương, Phan-Khoang v.v...

Tập san ấn-hành 3 tháng 1 kỳ. Số 4 gồm tháng 10, 11 và 12 do ông Nguyễn-Nhà chủ trương.

☐ 16 phiên buồn

Truyện của Hoài-Điệp-Tử. Sách in đẹp, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt không đề giá.

☐ Chuyện những giòong sông

Tuyển tập truyện ngắn của Trương-Đạm-Thủy do nhà Sông-Hậu xuất-bản. Trình bày đẹp, sách in rõ ràng. Bản đặc-biệt không đề giá, do tác-giả gởi tặng. Sẽ có bài phê bình vào số sau.

vực thăm

Truyện dài tình cảm ☐ THẨM - THỆ - HÀ

(Tiếp theo Phở-Thông 186)

— CHÚ có biết thanh niên ngày nay thích những cô đào chớp bóng nào không?

— À, cái đó thì chú dốt thật tình.

Hạnh cười to:

— Chú không sành tâm lý thanh niên, hèn chi chú bị chúng đã đào là phải.

— Đó là vấn đề khác.

— Khác sao được chú? Nó vẫn liên quan với nhau hết. Theo Hạnh, thanh niên ngày nay thích

những cô đào nào có thân hình khêu gợi nhất, có tài diễn xuất táo bạo nhất.

— Như Lollobrigida hay Sophia Loren chứ gì.

— Không, nữ minh tinh đã bị vượt rồi. Hiện nay người ta tôn sùng những thần tượng mới trẻ trung hơn và nguyên tử hơn như Christine Kauffmann, Sylva Koscina, Valene Lagrange, Giotgia Moli chẳng hạn. Những cô đào này có lối diễn xuất cuồng, nhiệt, dâm dục, hấp dẫn 'oát ra từ những đường cong khêu gợi, từ

VỤC THẨM

bản chất đam mê. Chú có xem những cô đào ấy chưa ?

— Chú có xem đủ cả, nhưng họ không quyến rũ được chú. Chú thấy họ thế nào ấy ..

Hạnh lập đi lập lại nhỏ nhỏ : « Thế nào ấy?... Thế nào ấy?... », như cổ phân tích cảm quan nghệ thuật của ông chú quái gở này. Lan tuy không góp ý kiến nhưng cũng chú ý lắng tai nghe, tay nàng lật tập Ciné telle revue có in một bức ảnh mới nhất và kêu gọi nhất của Claudia Cardinale. Như vừa tìm được một ý gì mới mẻ, Hạnh dặc ý cười to :

— Thôi, Hạnh hiểu rồi. Đúng như Sagan nhận xét, người đàn ông đứng tuổi chỉ thích những cô gái ngây thơ, những tâm hồn còn trong trắng. Chú thuộc hạng người ấy, chứ chú không phải hoàn toàn đạo đức gì. Phải thế không, đúng không chú Hoàng của cháu ?

Hoàng mỉm cười bí mật :

— Nói ra mất hay, đề cho Hạnh tìm hiểu chứ.

— Khỏi cần tìm hiểu gì cả. Bằng cô hùng hồn là chú chỉ thích Audrey và Sandra. Audrey

trông nhí nhảnh, nồn nhiên như nữ sinh, còn Sandra Dee thì trông ngây thơ, khẩu khinh tặc. Đó là chú chưa xem Lolita nếu xem xong phim này, cam đoan chú lại mê Sue Lyon cho mà coi.

Hoàng gật gù có vẻ hoài nghi.

— Cái đó còn chờ xem...

Hạnh nhìn thẳng vào mắt Hoàng, mặt nàng lộ vẻ gan lì với người trong phim :

— Chú biết Audrey kết hôn với ai không ?

— Một ông già.

— Sai, chưa già lắm đâu, chỉ vào cỡ chú vậy. Chú biết Sandra Dee thích gì không ?

— À, cái đó thì chú chịu thua.

Sandra thích cờ bạc, một cây me tây và roulette. À ta mê cờ bạc hơn là mê chồng. Bây giờ chú còn mê hai nửa thôi ?

Hoàng có tài làm vừa lòng mọi người :

— Hết mê rồi.

Hạnh không tin, nhưng cũng cảm thấy sung sướng, sự gan lì cũng dịu xuống theo lòng tự ái được vuốt ve. Hoàng dăm dăm

VỤC THẨM

nhìn Hạnh từ khoe mắt đến đầu môi, từ bộ ngực tròn đầy đến dáng người đầy nhựa sống, chàng có cảm tưởng như đó là một Sandra Dee hiện bằng xương bằng thịt. Chỉ khác một điều : Hạnh sắc sảo và quyến rũ hơn nhiều. Hoàng không dám nhìn lâu, vội ngánh mặt lại phía Lan, như để xua đuổi một ý nghĩ so sánh vừa thoáng qua trong đầu óc. Chàng thấy cần nói với Lan một vài lời cho nàng vui lòng :

— Bé Lan đang mơ mộng gì đấy ?

— Đâu có mơ mộng, chú.

— Vậy Lan nghĩ gì mà cười một mình thế ?

— Lan nghĩ đến bức tranh quảng cáo trước rạp Casino hôm qua.

— Quảng cáo tưởng gì ?

— Tưởng « Những hộp đêm ở Ba-Lê ». Bức tranh ngộ nghĩnh lý thú lắm.

— À, phim ấy chú có xem rồi. Phim cũ mà...

— Phải, phim cũ, nhưng bức tranh đó làm Lan nhớ đến một bài thơ tuyệt hay, tuyệt hấp dẫn.

Những chữ « Tuyệt » lấy đi lấy lại làm cho Hoàng lạnh cả người. Chàng biết đến phiên cô bé này đang định xô bụng thơ ra đây. Một lần nữa, chàng chuẩn bị

tinh thần để lắng nghe.

Lan tuy ít nói nhưng kể đủ cấp đến thơ là trúng ngay « tú » của nàng. Lan sẽ thao thao bất tuyệt trở giọng ngâm Tao-Đào. Nàng hí hửng tiếp :

— Đó là bài thơ tả cảnh « thoát y vũ » trên màn ảnh, đại khái như trong những phim thuộc loại « Những hộp đêm ở Ba-Lê ». Bài thơ này đáng báo nào Lan không nhớ, chỉ còn nhớ tên tác giả rất thành thạo là Đỗ-Bư. Tên tác giả cũng « tuyệt » như bài thơ vậy.

Biết không thể dừng, Hoàng đề nghị ngay.

— Đâu Lan ngâm lên nghe thử.

Lan lắc đầu lia lịa :

— Thơ này ngâm không nổi. Lan chỉ đọc cho chú nghe, nhưng cảm chú cười, Lan không đọc nữa đâu. Bằng lòng không, chú ?

— Bằng lòng.

Lan tăng hàng sửa giọng rồi đọc to lên, vẻ mặt nàng trở nên liếng láu tráo hẳn ngay thường : « Đêm nay buồn ngủ vào xem hát.

Một phim khiêu vũ. Chà ! cup-lạc !

Ngoài ra lại có xúp-lê mắng

Một buổi trình bày ca, kịch, nhạc.

Màn vén. Hai thằng nhảy vọt ra.

Áo quần rực rỡ, nón tòa loa,
Vòng hoa đeo cổ vai mang trống.
Hát chèo ? Không phải, hát xam
ba.

Cà rục, cà rên, cà rọt rẹt.
Tùng xình, tùng xít, tùng xình xẹt.
Tay chân giục lửa như kinh
phong

Khán giả dăm khùng chửi ó :
« Mệt ! »

Lan vừa đọc vừa ỉa bộ, đứng
hệt như một người mắc bệnh
kinh phong làm cho Hoàng và
Hạnh không thể nín cười được.
Hoàng cố dằn lại nên chỉ cười
nhỏ vài tiếng rồi ngưng ngay, nét
mặt tỏ vẻ nghiêm trang. Còn
Hạnh thì cười ngà cười nghiêng
cười như nắc nẻ. Lan ngưng
đọc, phản đối :

— Chú Hoàng cười đó. Lan
không đọc nữa đâu.

Hoàng viện ngay lý lẽ :

— Chú cười mà chẳng nháy
xam ba chớ đâu có cười. Lan.
Thôi đọc tiếp đi mà ..

Lan phản đối lấy lệ, chớ nàng
đã rao hứng rồi, có ngần nàng
dừng đọc cũng không được.
Nàng lại đọc to hơn, động tác
của nàng càng rùng rợn hơn :

«Cải cách xong rồi đến hát bóng,
Cung đàn thánh thót êm như
mộng..

Từng đoàn vũ nữ trút xiêm y.
Loi nhoi, lúc nhúc trần như nhộng.
Đáy rồi lớp cụp : thoát y vũ
Này dứt, này dứt, này đôi vú.
Rung rinh, rung rinh và rung
rinh.

Lúc ngựa, lúc khom, ôi ! quẹo
rủ !

Nhạc ngã sang qua điệu gặt gân.
Vũ nữ lim dim : phút thoát trần
Thoạt tới thoạt lui khi hầy hầy.
Người xem chết điếng, máu rần
rần...

Có cha xấu máu hết oang oang
« Thoạt y kiều nữ hầy còn xoàng.
Mãi dẫu cát kia coi chả sướng.
Tuột luôn hết ráo mới « song
toàn ».

Tức thật, chỉ cần có chút tếu.
Không « chiêm ngưỡng » được
xem tròn méo

Sao không tuột hết để làm chi
Một chút vãi che miếng đất xèo..»

Có cha khoái chỉ cười hề hề
Lắm thằng nhút nhít bộ râu dê,
Có nhà đạo đức chừng gay mặt,
Xó ghề đứng lên miệng chửi thề..

Lan đọc đến đây, phải ngưng
lại vì tiếng cười dòn dả của Hạnh
át mất cả tiếng thơ. Hoàng có ý

lập nghiêm cũng phải bật cười.
Lần này Lan không phản đối nữa
mà cũng cười theo.

Lan chớp mắt nói đùa :

— Chú Hoàng cười hề hề
giống cha ấy quá. Tiếc rằng chú
không có bộ râu...

Hạnh tỉnh quái hơn :

— Sao chú không nói gì cả.
Hay là chú đang «chết điếng,
máu rần rần .. » ?

Hoàng quen với tính liến thoắng của
hai cháu nên chỉ thản nhiên đáp :

— Hai cháu là « chúa xuyên
tặc ». Chú Hoàng của hai cháu
sao giống được với mấy cha ấy ?

Lan đổi giọng dịu dàng :

— Cháu nói đùa mà, chú.

Hạnh cũng nhỏ nhẹ :

— Chú Hoàng của Hạnh « đạo
đức » lắm mà.

Hoàng mỉm cười cời mở :

— Hạnh và Lan biết điều đó.
Nào, Lan đọc tiếp đi chớ, bài
thơ đến đó dứt rồi à ?

— Chưa, nhưng Lan cụt
hứng rồi, không đọc được nữa.
Bài thơ đoạn sau có tính cách
xây dựng nhưng Lan thấy nên
chấm dứt ở đó hay hơn, gọi cảm
hơn, mê ly hơn ..

Lan toan thêm một tràng «hơn»
vào nữa thì có tiếng chuông điện
thoại reo vang trên bàn. Nàng bỏ
đờ câu nói, chạy lại cầm ống lên
nghe. Hoàng và Hạnh cũng nín
lặng chờ Lan. Một lát, Lan trở
lại, vui vẻ nói với Hạnh :

— Ba nhắc chị mời chú
Hoàng dự buổi dạ hội tại nhà
mình vào thứ bảy tuần tới.

Hạnh nở nụ cười tươi :

— Quên thế nào được ! Hạnh
đã viết thiệp mời rồi, Lan đi
lấy thiệp gửi chị, đi em.

(Còn nữa)

Gần Đến kinh kỳ, Bản hân đã dưới, hay là đang
hành kinh mà đau bụng, uống :
«Lời Công Hoàn « ÔNG TIỀN », Hồi các tiệm huốc Hoa-Việt
Saigon 228 Lê-hành-Tôn. Nhà thuốc «**ÔNG TIỀN**» Phố-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1 — 9-6-63

Phong Ngựa, Ghé chốc, lơ lửng, gãi tới đâu lan tới đó
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIỀN »**
30 năm sáng lập. Hồi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc Ông Tiên Phố-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-6-63)

TIN MỪNG

Thành thật mừng với Bà và ông bạn Trịnh-hữu-Phu, Saigon, nhân dịp lễ vu-quy của cô TRINH THỊ LIỄU-NHÂN đẹp duyên cùng cậu NGUYỄN-LƯƠNG-NHU, con trai của ông bà Nguyễn Hòa, Quảng-Tân, và chúc đôi tân hôn được nhiều hạnh phúc.

NGUYỄN . VỸ

TIN MỪNG

Tất cả những lời chúc mừng nồng-nàn và thân-ái gửi đôi bạn ĐÀO-THANH-KHIẾT và LÝ-MINH-HÀNG thành-hôn tại nhà Thờ Center S.D.A. Church, Manila, Thủ-đô Phi-luật-Tân.

NGUYỄN . VỸ

THÔNG-CÁO

Trung-Tâm Gia-Đình Mục-Vụ trân-trọng thông báo :

Lớp Dự-Bị Hôn-Nhân khóa V sẽ khai giảng vào hồi 15 giờ 30' ngày thứ Bảy 18-2-1967 tại giảng đường của Trung Tâm số 24 đường Kỳ-Đông Sài gòn. Buổi lễ được đặt dưới quyền chủ-tọa của Đức Tổng Giám-Mục Sài gòn.

Ban Giám-Đốc trân-trọng kính mời các học-viên đã ghi tên tới tham-dự vào ngày giờ nói trên. Đồng thời xin kính mời cựu học-viên lớp Dự-Bị Hôn-Nhân về tham dự để buổi lễ được thêm phần long trọng.

Sài-gòn, ngày 15 tháng 2 năm 1967.

Giám-Đốc Trung-tâm Gia-Đình Mục-Vụ.

Linh - mục HỒNG - PHÚC

(Bề Trên Dòng Chúa Cứu-Thế — Saigon).



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* DIỆU-HUYỀN

XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

- ☐ **Bạn Huỳnh-Hữu-Tiến, Phan-Chu-Trình, Đà-Nẵng**
— Ngày 17 tháng 1 âm lịch (?) { Phải nói rõ : âm lịch mà
— 20 — 4 » (?) { năm gì ?
— 7-6 Tân Sửu — 22-7-1901

- ☐ **Ô. Ân Truyền, Quảng-Ngai**
Thủy-tổ của nghề phù-thủy là Lão-Tử, (Thái Thượng Lão quân).

- ☐ **Cô Thu-Hồng, Huế**
— Ở Saigon tôi không thấy có trường nào dạy Anh-ngữ bằng hàm-thụ.
— Cô nên học với một giáo-sư của một trường , dạy Anh-ngữ nào đó ở Huế thì hơn, để luyện giọng luôn thề.

- ☐ **Bạn Trần-Kim-Chiễn K B C 4.311**
Ngày 16-11 năm Nhâm-Ngo : 23-12-1942 ngày Thứ Tư.

- ☐ **Cô Lê-Duyên-Anh, đường Bà-Hạt, Cholon**
ROTARY CLUB (Phù-Luân-Hội) do chữ latin ROTA là bánh xe, lấy bánh xe làm phù hiệu, là một hội có tính cách nhân đạo và bác ái do một người Mỹ ở Chicago, tên là Paul Harris lập ra

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

năm 1905 Mục đích : Gây trong các giới thương mại, kỹ nghệ, chức nghiệp v.v... một lý tưởng về đoàn kết, giúp đỡ.

□ Cô Tô-Kiều-Linh. Đường Yersin — Dalat

Hoa Anh Đào, người Nhật gọi là SAKURA, Anh và Mỹ gọi là CHERRY TREE, Pháp gọi là CERISIER.

Còn hoa Đào Dalat, không giống hẳn như hoa anh đào Nhật người Anh và Mỹ gọi là WILD CHERRY TREE (anh đào rừng) Pháp gọi là MERISIER (khác với Cerisier). Trái của nó cũng khác.

Hoa anh Đào Nhật có một sự tích rất đẹp như sau đây :

Nữ thần AMATERASU, là tổ tiên của Hoàng Gia Nhật có một Hoàng Tử tên là MINIGI NO MIKOFO, rất đẹp trai một hôm Mikofo đi du ngoạn núi Takachiho, tình cờ gặp một giai nhân diễm tuyệt là quận chúa KONO HANANO SAKUYA HIME, con gái của Thái Tử Oyamatsumi. Hai người mê nhau. Quận chúa Sakuya liền đưa người yêu về trình diện với cha mẹ, và được Thái Tử ưng thuận, đón tiếp niềm nở. Nhưng bỗng nhiên một hôm Hoàng Tử biết Quận Chúa Sakuya có thai, Hoàng Tử rất ngạc nhiên và nghi ngờ Quận Chúa có mối tình ám muội với một người đàn ông khác. Hoàng tử không nhìn nhận đứa con là do chàng tạo ra. Uất ức dè dặt lòng trung thành chung thủy với người yêu mà nàng quả quyết chính là người Cha của đứa con của nàng, nàng bèn leo lên ngọn cây anh đào rồi nhảy xuống tự tử.

Do đó, người ta mới lấy tên nàng là Sakuya mà đặt cho hoa anh đào là Sakura để ghi sự tích thơ mộng của mối tình bi thảm ấy.

DIỆU-HUYỀN

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON COP Ở ĐÂU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SÔNG LÂU YÊU ĐỜI !



K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoai 23. 187



Phạm-văn-Lang

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373. Phan-thanh-Giản

SAIGON

Giấp phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

in tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN

231-233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

K.D. số 345 B.T.T/BC ngày 24-2-1967

GIÁ 15 đồng

CÔNG-SỞ 20 đồng